

Hà Nội, ngày **19** tháng **4** năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. **Tên tổ chức:** Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội (HABECO)
- **Mã chứng khoán/Mã thành viên:** BHN
- **Địa chỉ:** Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- **Điện thoại liên hệ:** 02438453843 Fax: 02437223784
- **E-mail:** Habeco@habeco.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo thường niên năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/4/2022 tại đường dẫn <http://www.habeco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2021;



Bùi Trường Thắng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



SỨC BẬT VIỆT NAM

MỤC LỤC

01 PHẦN MỞ ĐẦU

01. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

02 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

01. Thông tin khái quát

02. Quá trình hình thành và phát triển

03. Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

04. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

05. Định hướng phát triển

06. Các rủi ro

05 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01. Đánh giá về các mặt hoạt động

02. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

03. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

01. Hội đồng quản trị

02. Ban kiểm soát

03. Các giao dịch, thù lao & các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và ban kiểm soát

04. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

05. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

06. Đánh giá việc thực hiện các quy định quản trị công ty

03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

01. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

02. Tổ chức và nhân sự

03. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

04. Các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

05. Tình hình tài chính

06. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

07. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

04 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

01. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021

02. Những giải pháp đã thực hiện năm 2021

03. Tình hình tài chính

04. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

05. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội trong năm 2021

07 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

01. Tác động lên môi trường - phát thải nhà kính

02. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

03. Tiêu thụ năng lượng

04. Tiêu thụ nước

05. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN

Kính gửi: Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên HABECO!

Năm 2021 tiếp tục là năm đặc biệt khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhu cầu tiêu dùng các khu vực thị trường chính của HABECO bắt đầu giảm mạnh từ tháng 6/2021, là mùa cao điểm bán hàng, khi phần lớn các tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách theo chỉ thị 15, 16 của Thủ tướng Chính phủ. Sản lượng tiêu thụ bia các loại của HABECO thời gian này giảm trung bình khoảng 50% so với cùng kỳ. Chuỗi cung ứng logistic và lưu thông hàng hóa của HABECO cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, chi phí vận chuyển tăng cao do phát sinh nhiều chi phí như: xét nghiệm Covid, xin giấy phép vào đường cấm, phát sinh chốt kiểm dịch làm thay đổi luồng tuyến vận chuyển, thời gian vận chuyển kéo dài gấp 2, 3 lần... Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh năm 2021 của HABECO.



Trước bối cảnh diễn biến của dịch bệnh nhiều phức tạp, các dịch vụ ăn uống phục vụ tại chỗ đối với nhà hàng, quán bia, bia hơi không được nói lỏng, HABECO đã đưa ra nhiều phương án kinh doanh linh hoạt để thích ứng với xu hướng tiêu dùng mới như đẩy mạnh bán hàng online, đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử kết hợp với triển khai các chương trình khuyến mãi, tri ân khách hàng lớn. Cùng với đó, nâng cao hiệu quả hoạt động qua quy hoạch mạng lưới nhà phân phối, nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ bán hàng, cũng như tiếp tục đổi mới, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm để mang về, nhằm nắm bắt đáp ứng xu hướng tiêu dùng của người dân dần chuyển dịch thói quen mua sắm. Các hoạt động truyền thông luôn được triển khai sớm và xuyên suốt trên các kênh truyền thông đại chúng phổ biến như: TV, đài radio, biển bảng, banner báo mạng, Youtube, Facebook, Zalo... và nhiều vùng địa lý bán hàng từ Bắc tới Nam.

Chiến lược kinh doanh linh hoạt kết hợp với nền tảng thương hiệu mạnh, uy tín và năng lực sản xuất lớn được đánh giá không chỉ giúp HABECO vượt qua thách thức ngắn hạn của môi trường kinh doanh, mà còn tạo nền tảng vững chắc để phát triển mạnh mẽ, tận dụng đà phục hồi tiêu thụ bia trong nước.

Với sự đoàn kết, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm cao và sự sáng tạo, quyết tâm trên mọi lĩnh vực hoạt động của cán bộ công nhân viên HABECO, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến người lao động cùng với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Công Thương và các bộ, ban, ngành, sự đồng hành hỗ trợ của các quý cổ đông, đối tác, hiệp hội, các khách hàng nhà phân phối, các cơ quan thông tấn, báo chí... HABECO đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận ở cả hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Theo đó, số liệu thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021 tại Công ty mẹ như sau: Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu đạt 281,5 triệu lít, tăng 0,54% so với kế hoạch; Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt) đạt 5.736 tỷ đồng, tăng 6,39% so với kế hoạch; Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 376,9 tỷ đồng, tăng 18,1% so với kế hoạch; Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 310,5 tỷ đồng, tăng 21,7% so với kế hoạch.

Cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh, HABECO luôn quan tâm, chú trọng các công tác an sinh xã hội, hỗ trợ kịp thời người lao động bị ảnh hưởng bởi Covid-19 và hỗ trợ các lực lượng tuyến đầu chống dịch, duy trì phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc trẻ mồ côi, ủng hộ quỹ các quỹ xã hội của Trung ương và địa phương.

Bằng những nỗ lực của mình, HABECO đã đạt được những giải thưởng cao quý như Top 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2020 - 2021; Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất; Top 10 Công ty đồ uống uy tín ngành thực phẩm - đồ uống năm 2021; Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2021.

Nhận định năm 2022 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nước bởi ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, khủng hoảng năng lượng ở châu Âu, tình hình bất ổn chính trị trên thế giới..., chuỗi cung ứng đứt gãy, giá vật tư nguyên liệu đầu vào biến động tăng liên tục đặc biệt là xăng dầu, malt, vỏ lon, nắp chai... Trong bối cảnh các biện pháp hạn chế dịch bệnh đã được từng bước gỡ bỏ, HABECO sẽ tiếp tục tập trung triển khai nhiều giải pháp để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi. Theo đó các chiến lược trọng tâm được HABECO xác định trong năm 2022 là:

- (1) Tiếp tục cải tiến bao bì, mẫu mã sản phẩm phù hợp với thị hiếu và tăng tính cạnh tranh trên thị trường; Tái định vị giá của các sản phẩm của HABECO.
- (2) Củng cố, bảo vệ thị trường Miền Bắc; Tăng trưởng nhanh tại Bắc Trung Bộ; Từng bước xây dựng nền tảng để phát triển HABECO tại thị trường Miền Nam
- (3) Truyền thông thương hiệu theo định hướng chiến lược mới lấy nền tảng digital làm trọng tâm; Triển khai các chương trình khuyến mại đối với người tiêu dùng phù hợp với bối cảnh mới.
- (4) Cam kết hướng đến cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp mang thương hiệu quốc gia, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước.

Thay mặt Ban lãnh đạo HABECO, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và tập thể cán bộ nhân viên người lao động đã luôn tin tưởng và gắn bó với HABECO trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Đình Thanh

Trần Đình Thanh



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



KIỆT TÁC CHINH PHỤC ĐỈNH CAO



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Thông tin khái quát về doanh nghiệp



TỔNG CTCP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Tên tiếng anh Hanoi Beer Alcohol and Beverage Joint stock Corporation

Tên viết tắt HABECO

Mã chứng khoán BHN (niêm yết tại Sở GDCK TP.HCM - HOSE)

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0103025268 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 06 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 07 tháng 09 năm 2020

Vốn điều lệ 2.318.000.000.000 đồng (Hai nghìn ba trăm mười tám tỷ đồng)

Địa chỉ Số 183, phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội

Số điện thoại 024.3845.3843

Số fax 024.3722.3784

Website www.habeco.com.vn

Người đại diện Ông Trần Đình Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Ngô Quốc Lâm - Tổng Giám đốc



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Truyền thống
Đoàn kết
Sáng tạo

TÂM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất bia hàng đầu Việt Nam, đại diện cho niềm tự hào dân tộc, sức bật Việt Nam vươn tầm khu vực và thế giới

SỨ MỆNH

Mang tới người tiêu dùng Việt Nam những sản phẩm chất lượng hoàn hảo với niềm tự hào là thương hiệu Việt mang tầm quốc tế

Giữ gìn tinh hoa, nâng tầm vị thế những giá trị truyền thống, nét tinh hoa văn hoá dùng Bia của người Việt

Hành động có trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội, truyền cảm hứng vươn tầm cho người Việt Nam

Quá trình hình thành và phát triển



1890

Tiền thân của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội là Nhà máy bia Hommel được người Pháp xây dựng từ năm 1890, là khởi đầu cho một dòng chảy nhỏ bé cùng song hành với những thăng trầm của Thăng Long – Hà Nội.



1958

Ngày 15/8/1958, trong không khí cả nước sôi sục chào mừng kỉ niệm 13 năm Cách mạng Tháng Tám thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, bốn năm Thủ đô hoàn toàn giải phóng, chai bia Việt Nam đầu tiên mang nhãn hiệu Trúc Bạch ra đời trong niềm vui xúc động lớn lao của cán bộ công nhân viên Nhà máy.



2003

Ngày 6/5/2003, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) có Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN thành lập Tổng Công ty Bia – Rượu - Nước giải khát Hà Nội (viết tắt là HABECO).



2008

Từ ngày 16/6/2008, Tổng Công ty chính thức chuyển đổi mô hình tổ chức từ một Tổng Công ty Nhà nước sang Tổng Công ty cổ phần. Đây là bước ngoặt quan trọng để Bia Hà Nội khẳng định vị thế của mình trong giai đoạn hội nhập.



2010

Hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Nhà máy bia công suất 200 triệu lít/năm tại Mê Linh, Hà Nội, với hệ thống thiết bị đồng bộ hiện đại bậc nhất Đông Nam Á đã đưa Tổng Công ty đạt công suất 400 triệu lít bia/năm. HABECO trở thành một trong hai Tổng Công ty sản xuất bia lớn nhất của Việt Nam. Cũng trong năm 2010, sản phẩm Bia Trúc Bạch được khôi phục.



2013

HABECO đầu tư dây chuyền chiết nước tinh lọc, cũng là năm đánh dấu mốc 55 năm khôi phục, xây dựng và phát triển.



2014

HABECO khởi công dự án dây chuyền chiết lon 60,000lon/giờ tại Nhà máy Bia Hà Nội – Mê Linh, được hoàn thành vào đầu năm và chính thức đi vào hoạt động vào năm 2016. Đầu tư xây dựng hệ thống Pilot Plant phục vụ công tác nghiên cứu sản phẩm mới.



2017

Ngày 19/01/2017, HABECO đã chính thức đưa 231,8 triệu cổ phiếu (mã BHN) niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)



2018

Dấu mốc 60 năm khôi phục, xây dựng và phát triển, HABECO ra mắt nhận diện mới sản phẩm Bia Trúc Bạch



2019

Tháng 5/2019, HABECO chính thức ra mắt nhận diện mới thương hiệu với Slogan “Sức bật Việt Nam”



2020

Tháng 7/2020, sản phẩm Bia Hà Nội 1890 được ra đời, là mốc son đánh dấu 130 năm kế thừa tinh hoa lịch sử của Bia Hà Nội



2021

HABECO ra mắt sản phẩm mới Bia Hanoi Cool, Lon Sleek 330ml Trúc bạch và Hanoi Beer Premium đã minh chứng cho nỗ lực không ngừng hòa nhập với nhịp sống hiện đại, năng động và xu hướng tiêu dùng mới của thị trường.

Thành tựu, chứng nhận

Top 100

Thương hiệu mạnh Việt Nam 2020-2021 do Tạp chí Kinh tế Việt Nam bình chọn. Tạp chí Kinh tế Việt Nam công chiếu Lễ công bố & vinh danh TOP 10 và TOP 100 Thương hiệu Mạnh Việt Nam năm 2020 - 2021 trên nền tảng VnEconomy và Fanpage VnEconomy. Đây là những thương hiệu thể hiện khả năng thích ứng, trụ vững và tăng trưởng trong đại dịch covid-19. Các tiêu chí bình chọn bao gồm sự sáng tạo, đổi mới, ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tái cấu trúc doanh nghiệp, điều chỉnh và thay đổi mô hình quản trị doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu của thị trường và yêu cầu của bối cảnh mới.

Top 100

Sao vàng Đất Việt 2021 tiếp tục khẳng định vị thế của HABECO là một trong ba thương hiệu nắm giữ thị phần lớn nhất ngành bia Việt Nam với vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp đồ uống. Với mục tiêu mở rộng thị phần, hướng tới phân khúc khách hàng đa dạng, HABECO luôn không ngừng đổi mới sáng tạo, tạo lập những giá trị mang bản sắc riêng. Các sản phẩm mang thương hiệu HABECO có hương vị đặc trưng, thơm ngon, đậm đà đã và đang chinh phục được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước.



Top 50



Công ty niêm yết tốt nhất do Forbes Việt Nam bình chọn: Đây là kết quả xếp hạng từ việc lựa chọn các công ty có kết quả kinh doanh tốt nhất, đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Theo đó, HABECO xếp vị trí thứ 9/50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất năm 2021.

Top 10

Công ty đồ uống uy tín ngành thực phẩm - đồ uống năm 2021 do Công ty Cổ phần Việt Nam Report bình chọn: Với mục đích tôn vinh các doanh nghiệp tiêu biểu đạt thành tích kinh doanh vượt trội, có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp phát triển chung của đất nước và là những cột trụ của nền kinh tế Việt Nam, Bảng xếp hạng đánh giá những doanh nghiệp có quy mô doanh thu lớn, hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt và tích cực tham gia các công tác xã hội.

Trải qua 131 năm hình thành và phát triển, Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (HABECO) đã phát huy truyền thống, không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển thương hiệu, khẳng định "Sức bật Việt Nam", xứng đáng là đơn vị đạt Thương hiệu Quốc gia nhiều năm liền. Song hành với dòng chảy lịch sử của Thủ đô, dòng chảy của bia Hà Nội - HABECO cũng được nuôi lớn, gìn giữ và nâng tầm một thứ đồ uống trở thành nét văn hóa của người Hà Nội nói riêng và người Việt nói chung với những cái tên Bia Hà Nội, Bia Hơi Hà Nội, Bia Trúc Bạch... HABECO đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ, khẳng định vị thế ở thị trường trong nước, sẵn sàng vươn ra thị trường quốc tế.

Với bí quyết công nghệ - truyền thống trăm năm, cùng hệ thống thiết bị hiện đại, đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, có trình độ, tâm huyết, các sản phẩm của HABECO đã nhận được sự mến mộ của người tiêu dùng trong nước cũng như quốc tế. Hiện nay, các sản phẩm của HABECO không chỉ được phân phối rộng rãi trên cả nước mà còn có mặt ở thị trường nước ngoài như Đài Loan, Hàn Quốc, Anh, Đức, Mỹ, Australia, cùng nhiều quốc gia khác trên thế giới. Cùng với cuộc sống ngày một đi lên, với những giao thoa của Việt Nam hiện đại và giàu bản sắc truyền thống, năm 2021, HABECO ra mắt sản phẩm mới Bia Hanoi Cool, Lon Sleek 330ml Trúc bạch và Hanoi Beer Premium đã minh chứng cho nỗ lực không ngừng hòa nhập với nhịp sống hiện đại, năng động và xu hướng tiêu dùng mới của thị trường.



Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất bia
và mạch nha ủ men bia

Sản xuất
đồ uống không cồn,
nước khoáng

Chưng,
tinh cất và
pha chế các loại rượu
mạnh

Địa bàn kinh doanh

THỊ TRƯỜNG KINH DOANH CỦA HABECO TRẢI DÀI KHẮP CẢ NƯỚC

Thị trường kinh doanh của HABECO được trải khắp cả nước trong đó thị trường chủ yếu từ Quảng Trị trở ra Miền Bắc. Với hệ thống nhà phân phối thông qua 04 công ty thương mại, HABECO hiện đang giữ vị trí thứ 03 về thị phần tại Việt Nam và số 1 tại thị trường bia Miền Bắc.

Là một doanh nghiệp bia nội hàng đầu tại Việt Nam, HABECO đặt mục tiêu sẽ phát triển thương hiệu mang tính quốc gia, sản phẩm được biết đến rộng rãi trên toàn quốc. Bên cạnh việc tập trung giữ thị phần tại các thị trường truyền thống Phía Bắc, HABECO đang từng bước xây dựng nền tảng để phát triển tại thị trường Miền Nam với hệ thống nhà phân phối tại TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương, Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ...

Hiện HABECO đã xuất khẩu, phân phối chủ yếu tại thị trường Châu Âu (Pháp, Anh, Áo, Czech), Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Úc... thông qua hệ thống siêu thị và các nhà hàng Việt Nam. Sản phẩm xuất khẩu chủ đạo của HABECO là Bia chai Hà Nội Premium 330ml và Bia lon Hà Nội. Với lợi thế là sản phẩm mang tên gọi Hà Nội - thủ đô của Việt Nam, các sản phẩm của HABECO dễ đi vào các nhà hàng Việt Nam tại nước ngoài. Vì vậy, trong thời gian tới, HABECO có chiến lược tập trung phát triển xuất khẩu tại các thị trường truyền thống cũng như tại các quốc gia có nhiều người Việt Nam để từng bước lan tỏa thương hiệu bia Việt Nam ra thế giới.

Trúc Bạch
PARAMOUNT BEER
ORIGINAL QUALITY SINCE 1900

IPA Craft Beer

LIMITED EDITION

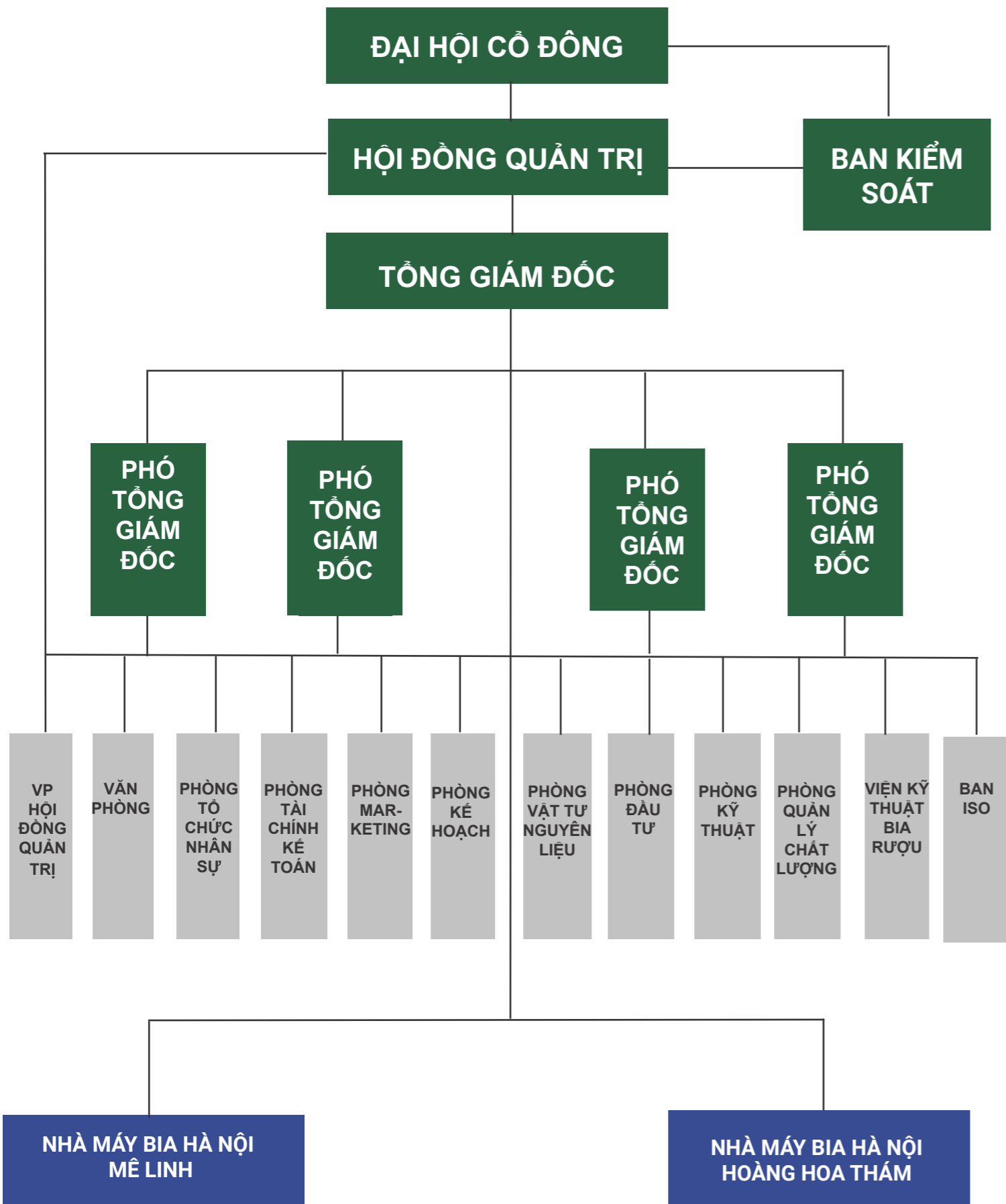
HABECO

Trúc Bạch

IPA Craft Beer
LIMITED EDITION

* Người dưới 18 tuổi không được uống rượu bia

3. MÔ HÌNH TỔ CHỨC



CÔNG TY CON

- 1 Công ty TNHH MTV Thương Mại HABECO
- 2 CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương
- 3 CTCP Bia Hà Nội - Hải Phòng
- 4 CTCP Bia Hà Nội - Nam Định
- 5 CTCP Bia Hà Nội - Thái Bình
- 6 CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hóa
- 7 CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình
- 8 CTCP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát
- 9 CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội
- 10 CTCP Thương mại Bia Hà Nội
- 11 CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội Quảng Ninh
- 12 CTCP ĐTPT Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội
- 13 CTCP Bia Hà Nội - Nghệ An
- 14 CTCP Bia Hà Nội - Quảng Trị
- 15 CTCP HABECO - Hải Phòng
- 16 CTCP Bia Hà Nội - Hồng Hà

CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

- 1 CTCP Bia Hà Nội - Kim Bài
- 2 CTCP Vận tải Habeco
- 3 CTCP Đầu tư Phát triển Habeco
- 4 CTCP Harec Đầu tư & Thương mại
- 5 Công ty TNHH Thủy tinh Samiguel Yamamura Hải Phòng
- 6 CTCP Bao bì Habeco

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG TRẦN ĐÌNH THANH
CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh : 1969

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ hoá học;
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



ÔNG NGÔ QUẾ LÂM
TV HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị
kinh doanh; Cử nhân Luật; Kỹ sư chế
tạo máy



ÔNG VŨ XUÂN DŨNG
TV HĐQT, P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Sinh học;
Cử nhân kế toán



ÔNG TRẦN THUẬN AN
TV HĐQT, P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản
trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng
cơ bản

Số cổ phần đại diện : 85.279.220 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 6.900 cổ
phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương mại
HABECO

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia - Rượu - Nước
giải khát Hà Nội - Quảng Ninh

Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển
công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát
Hà Nội

Số cổ phần đại diện : 57.950.000 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 1.100 cổ
phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không

Số cổ phần đại diện : 23.180.000 cổ phần,
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Phó chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thủy
tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng

Thành viên HĐQT CTCP Harec Đầu tư
và Thương mại

Số cổ phần đại diện : 23.180.000 cổ phần,
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không



ÔNG BÙI HỮU QUANG
THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh : 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học
Thương mại CN Tài chính - Kế toán

Số cổ phần đại diện : 40.198.200 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Giám đốc chiến lược Công ty TNHH
Thương mại Carlsberg Việt Nam

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 50 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không



BÀ QUẢN LÊ HÀ
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Năm sinh : 1967

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ ngành
công nghệ lên men

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không



BÀ PHẠM THU THỦY
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh : 1982

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế
toán ; Cử nhân Tiếng Anh



ÔNG BÙI TRƯỜNG THẮNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh
tế vật tư

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Thanh
Hóa

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Nghệ
An

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Quảng
Bình

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Quảng
Trị



ÔNG PHẠM TRUNG KIÊN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1970

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD;
Kỹ sư công nghệ thực phẩm

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Kim
Bãi

Chủ tịch HĐQT CTCP Rượu và Nước giải
khát Hà Nội

Thành viên HĐQT CTCP Thương mại
Bia Hà Nội - Hưng Yên 89

Thành viên HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Thái
Bình

BAN KIỂM SOÁT



BÀ CHỦ THỊ THU TRANG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1979

*Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán ;
Cử nhân Quản trị Kinh doanh*

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không



BÀ THIỀU HỒNG NHUNG
KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh : 1977

*Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế;
Thành viên hiệp hội kiểm toán công
chứng Anh*

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Giám đốc tài chính Công ty TNHH
Thương mại Carlsberg Việt Nam



ÔNG TRẦN MINH TUẤN
KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh : 1977

*Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị
Cử nhân Tài chính - Tín dụng*

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Thành viên HĐQT CTCP bia Hà Nội -
Nam Định



Công ty con, công ty liên kết và liên doanh

STT	Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ đã góp (VĐL)	Tỷ lệ sở hữu của HABECO
Công ty con					
1	CT TNHH MTV TM HABECO	Số 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Thương mại bia	50.000.000.000	100,00%
2	CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương	Phố Quán Thánh, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương	Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%
3	CTCP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Số 16 đường Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%
4	CTCP Bia Hà Nội - Nam Định	Số 5 Đường Thái Bình, Thành phố Nam Định	Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%
5	CTCP Bia Hà Nội - Thái Bình	Lô CN1, khu công nghiệp TBS - Sông Trà, Xã Tân Bình, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%
6	CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hoá	152 Quang Trung, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%
7	CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình	TDP 13, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%
8	CTCP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	38 Đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	69,78%
9	CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội	94 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%
10	CTCP TM Bia Hà Nội	183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Thương mại bia	31.23.000.000	60,00%
11	CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội Quảng Ninh	Lô 20 KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Thương mại bia	15.000.000.000	52,64%
12	CTCP ĐTPT Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Đường 206, KCN Phố Nối A, Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên.	Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%
13	CTCP Bia Hà Nội - Nghệ An	Khu B, Khu CN Nam Cẩm, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%
14	CTCP Bia Hà Nội - Quảng Trị	158 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%
15	CTCP Habeco - Hải Phòng	Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%
16	CTCP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Khu 1, Phường Vân Phú, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%

Công ty liên kết & liên doanh

1	CTCP Bao Bì Habeco	Lô 2ha, Cụm CN Nhà máy bia Hà Nội - Mê Linh, Xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, Hà Nội.	Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%
2	CTCP Bia Hà Nội - Kim Bài	Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	Sản xuất bia	39.860.000.000	28,00%
3	CTCP Vận tải Habeco	Số 1199, đường Giải Phóng, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	Vận tải	25.000.000.000	28,00%
4	CTCP Harec Đầu tư và Thương mại	Số 4 phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Bất động sản	63.384.000.000	40,00%
5	CTTNHH Thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng	17A phố Ngô Quyền, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất chai	160.772.505.787	27,21%
6	CTCP Đầu tư phát triển Habeco	4A Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Bất động sản	19.291.600.000	45,00%

Định hướng phát triển

Mục tiêu:

Củng cố, bảo vệ thị trường Miền Bắc; Tăng trưởng nhanh tại Bắc Trung Bộ; từng bước xây dựng nền tảng để phát triển Habeco tại thị trường Miền Nam.

Cải tiến bao bì, mẫu mã sản phẩm phù hợp với thị hiếu và tăng tính cạnh tranh trên thị trường; tái định vị giá của các sản phẩm của HABECO.

Truyền thông thương hiệu theo định hướng chiến lược mới lấy nền tảng digital làm trọng tâm; Triển khai các chương trình khuyến mại đối với người tiêu dùng phù hợp với bối cảnh mới.

Chiến lược phát triển:

Đổi mới, năng động, sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh; phát huy truyền thống, sức mạnh đoàn kết để thực hiện mục tiêu “Giữ gìn tinh hoa – Nâng tầm vị thế” giá trị thương hiệu HABECO với tinh thần “Sức bật Việt Nam”.



Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển:

Chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2026 của HABECO là tiếp tục tập trung phát triển thị trường, nâng cao sức cạnh tranh, mang đến cho khách hàng sự hài lòng về các sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ hoàn hảo.

Đa dạng hoá sản phẩm, nghiên cứu các sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm, hiệu quả, đóng góp vào tiến trình xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững với môi trường.

Tiếp tục đầu tư theo chiều sâu, nâng cao chất lượng thiết bị công nghệ sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo, quản trị sử dụng năng lượng hiệu quả, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm.

Đẩy mạnh chiến lược phát triển thương hiệu bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của thương hiệu tại thị trường trong nước và khu vực. Giới thiệu và xuất khẩu các sản phẩm của HABECO ra thế giới, tới các thị trường như Mỹ, Châu Âu, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Thực hiện các chiến lược về phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và xây dựng cơ cấu tổ chức vững mạnh để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu và vững mạnh trong ngành bia, rượu, nước giải khát tại Việt Nam và khu vực, mang đến cho khách hàng các sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm với chất lượng cao.



Mục tiêu phát triển bền vững

Trong suốt chặng đường phát triển, HABECO luôn theo sát định hướng phát triển bền vững. Điều này được thể hiện qua ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, hạn chế tối đa các nguồn ô nhiễm do quá trình sản xuất gây ra.

Thực hiện kế hoạch đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, những năm qua HABECO đã tiến hành thay mới từ nhà nấu, lò hơi đến hệ thống xử lý nước, nuôi cấy men, lên men bằng tank tự động ngoài trời, hệ thống lọc, lạnh, xử lý nước thải... và cải tiến bằng công nghệ hiện đại.

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, HABECO luôn đề cao vai trò, trách nhiệm thực hiện an sinh xã hội của mình đối với cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp mang thương hiệu quốc gia, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước.



CÁC RỦI RO



DỊCH COVID - 19

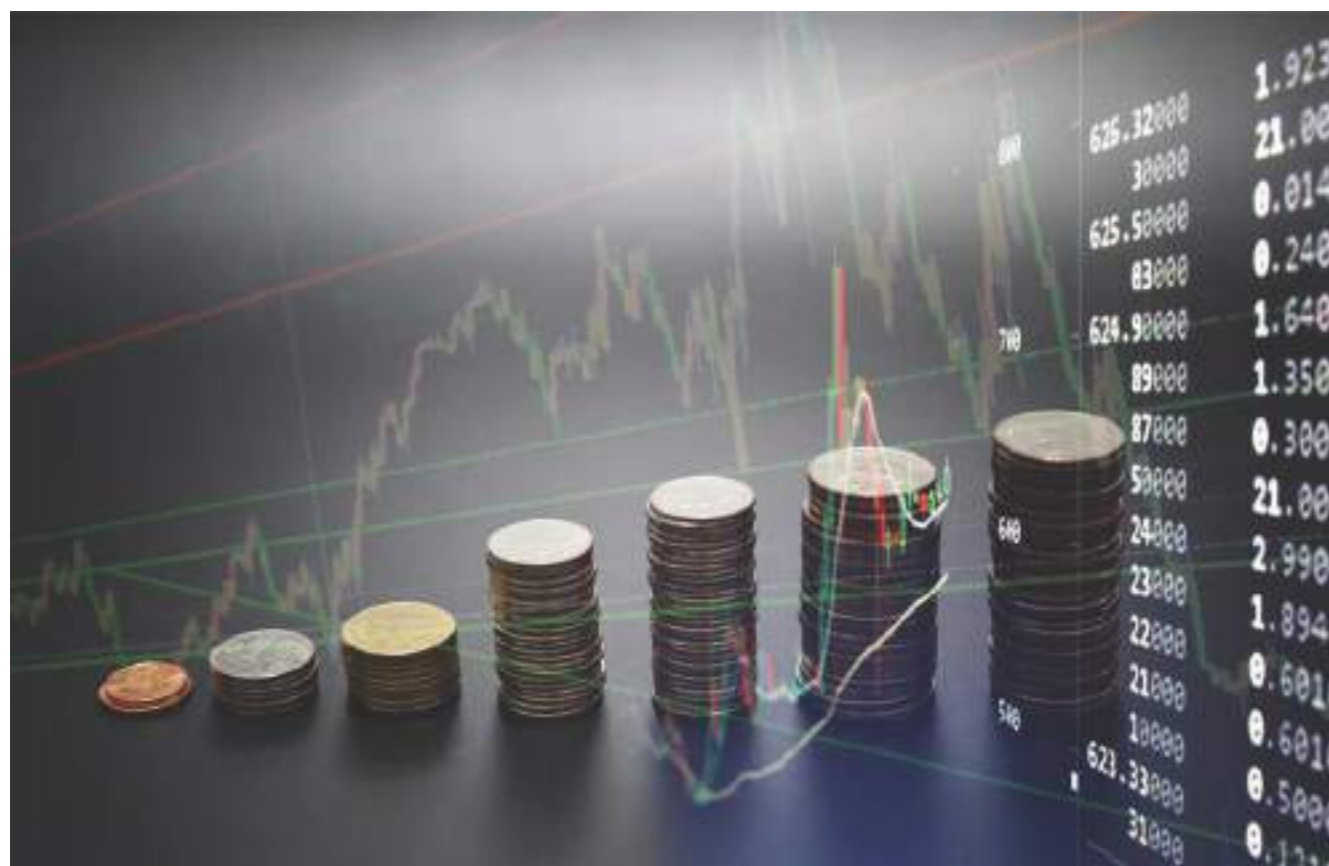
Năm 2021 tiếp tục là năm đặc biệt khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhu cầu tiêu dùng các khu vực thị trường chính của Habeco bắt đầu giảm mạnh từ tháng 6/2021, là mùa cao điểm bán hàng, khi phần lớn các tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách theo chỉ thị 15, 16 của Thủ tướng Chính phủ như Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình.... Sản lượng tiêu thụ bia các loại của Habeco thời gian này giảm trung bình khoảng 50% so với cùng kỳ. Chuỗi cung ứng logistic và lưu thông hàng hóa của Tổng công ty cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, chi phí vận chuyển tăng cao do phát sinh nhiều chi phí như: xét nghiệm Covid, xin giấy phép vào đường cấm, phát sinh chốt kiểm dịch làm thay đổi luồng tuyến vận chuyển, thời gian vận chuyển kéo dài gấp 2, 3 lần..., có thời điểm toàn bộ sản phẩm của Habeco bị dừng vận chuyển do không nằm trong danh mục hàng hóa thiết yếu để xin giấy phép luồng xanh. Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh năm 2021 của Tổng công ty.

Trong quý I/2022, mặc dù các biện pháp hạn chế dịch bệnh đã từng bước được gỡ bỏ nhưng với tình hình số ca lây nhiễm tăng lên nhanh chóng tại các địa phương trên cả nước, người dân vẫn hạn chế ăn uống tại nhà hàng và đi du lịch, tránh tụ tập đông người. Mặc dù đã triển khai nhiều giải pháp để thúc đẩy tiêu thụ nhưng sản lượng sản xuất, tiêu thụ quý 1/2022 của Habeco chỉ đạt khoảng 90% so với cùng kỳ.

CHÍNH SÁCH

Ngành bia trong nước tiếp tục chịu ảnh hưởng từ Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định việc xử phạt phương tiện tham gia giao thông có nồng độ cồn trong máu ở bất kỳ mức độ nào và Nghị định 24/NĐ-CP với các quy định khắt khe về quảng cáo rượu bia.

Dịch bệnh Covid diễn ra trong 2 năm qua đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người lao động, làm cho nhu cầu tiêu dùng suy giảm. Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề nhưng các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đồ uống có cồn không được hưởng một số chính sách hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế chung như các ngành sản xuất hàng tiêu dùng khác. Trong điều kiện chi phí đầu vào tăng nhanh, sức mua yếu, Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam đã đánh giá ngay cả đối với những doanh nghiệp có tiềm lực và quy mô lớn cũng sẽ phải mất nhiều năm để có thể quay trở lại mức phát triển như trước đại dịch.



TỶ GIÁ

Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và tình hình căng thẳng về chính trị trên thế giới sẽ gây lên những ảnh hưởng về tỷ giá, chuỗi cung ứng và xuất khẩu của Việt Nam, làm gia tăng chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Phần lớn nguồn nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất bia của HABECO đều được nhập khẩu từ nước ngoài, do đó biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất cũng như biên lợi nhuận của HABECO.

NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất bia chủ yếu được nhập từ nước ngoài. Những rủi ro về thời tiết như hạn hán, lũ lụt ... ảnh hưởng rất nhiều đến sản lượng nguyên liệu. Cùng với đó là ảnh hưởng của đại dịch Covid, khủng hoảng năng lượng ở châu Âu, bất ổn về địa chính trị trên thế giới dự kiến năm 2022 sẽ tiếp tục là năm khó khăn đối với các doanh nghiệp. Chuỗi cung ứng đứt gãy, giá vật tư nguyên liệu đầu vào biến động tăng liên tục ở mức cao trong 3 tháng đầu năm, đặc biệt là xăng dầu (tăng gần 50%), malt (tăng 50%), vỏ lon (tăng 30-40%), hộp giấy (tăng 15%), nắp chai (tăng 35%), chi phí vận chuyển (tăng 15%), giá các vật tư nguyên liệu khác cũng tăng từ 15-20% và dự báo sẽ tiếp tục tăng cao nữa.... Nguồn cung nguyên liệu khan hiếm, việc nhập vật tư nguyên liệu chính để sản xuất có nguy cơ chậm tiến độ vì đối tác nước ngoài không bố trí được phương tiện vận chuyển đã đặt ra gánh nặng chi phí cho các nhà sản xuất.

ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

Trong bối cảnh thị trường vẫn còn khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà sản xuất nhằm giành giật thị trường là điều khó tránh khỏi. Sự cạnh tranh về sản phẩm và thị trường không chỉ giữa các doanh nghiệp nội địa mà sự gia nhập của những thương hiệu bia quốc tế càng làm gia tăng những thách thức đối với HABECO.

Năm 2022, các đối thủ cạnh tranh đều tập trung đẩy mạnh công tác hỗ trợ, khuyến mại, thúc đẩy bán hàng để giành giật thị trường sau thời gian dài của năm 2021 bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid.

Ngay từ đầu năm 2022, các đối thủ chính của HABECO là SABECO và HEINEKEN đã triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông thương hiệu, xúc tiến bán hàng rộng khắp trên toàn quốc và tại tất cả các phân khúc sản phẩm, trong đó, đặc biệt các hãng đều chú trọng vào các chương trình thúc đẩy bán hàng đối với các sản phẩm phổ thông- phân khúc thị trường chính của HABECO. Ngay sau mùa kinh doanh tết, các hãng tiếp tục triển khai một loạt các chương trình, hoạt động xúc tiến bán hàng cho người tiêu dùng, dự báo Habeco sẽ tiếp tục chịu rất nhiều sức ép từ các đối thủ cạnh tranh.



HANOI BEER

Premium
BEER



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	% So với 2020	% So với kế hoạch
Sản lượng	Triệu lít	309,9	281,5	280,0	90,8	100,5
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính	Tỷ đồng	5.893,3	5.736,0	5.391,6	97,3	106,4
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	708,8	376,9	319,2	53,2	118,1
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	625,3	310,5	255,1	49,7	121,7

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, HABECO xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, báo cáo Bộ Công Thương, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến là 8%. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương, HABECO sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của HABECO có sự giảm sút so với năm 2020 nguyên nhân là do:

Ảnh hưởng của dịch bệnh, nhu cầu tiêu dùng các khu vực thị trường chính của HABECO bắt đầu giảm mạnh từ tháng 6/2021, là mùa cao điểm bán hàng, khi phần lớn các tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách theo chỉ thị 15, 16 của Thủ tướng Chính phủ như Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình... Sản lượng tiêu thụ bia các loại của Habeco thời gian này giảm trung bình khoảng 50% so với cùng kỳ. Chuỗi cung ứng logistic và lưu thông hàng hóa của Tổng công ty cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, chi phí vận chuyển tăng cao do phát sinh nhiều chi phí như: xét nghiệm Covid, xin giấy phép vào đường cấm, phát sinh chốt kiểm dịch làm thay đổi luồng tuyến vận chuyển, thời gian vận chuyển kéo dài gấp 2, 3 lần..., có thời điểm toàn bộ sản phẩm của Habeco bị dừng vận chuyển do không nằm trong danh mục hàng hóa thiết yếu để xin giấy phép luồng xanh. Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh năm 2021 của Tổng công ty.

Bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành ngày càng gay gắt. Việc truy thu thuế và hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển để chia cổ tức phải thực hiện trong giai đoạn 2016-2019 đã ảnh hưởng đáng kể đến nguồn lực tài chính của HABECO trong giai đoạn 2020-2021. Trong khi đó, các đối thủ cạnh tranh của HABECO như Heineken, Tiger, Sabeco... không phải chịu những khoản thu này nên vẫn bảo toàn được nguồn lực để cạnh tranh với HABECO tại thị trường miền Bắc. Để đảm bảo mục tiêu lợi nhuận, HABECO đã triển khai nhiều giải pháp để cắt giảm chi phí, duy trì ở mức tối thiểu các chính sách bán hàng, từ đó giảm đáng kể sức cạnh tranh với những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được linh hoạt trong thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 giảm so với năm 2020 là do năm 2020, HABECO có khoản thu nhập khác từ hoàn nhập chi phí dự phòng phải trả của các năm trước. Năm 2021, Nghị định 100 và diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid -19 tiếp tục có tác động lớn đến sự sụt giảm lợi nhuận của HABECO.

Trước những khó khăn nêu trên, Ban lãnh đạo HABECO đã kịp thời chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm ứng phó với đà suy giảm, tối ưu hóa các nguồn lực nhằm ổn định sản xuất, tiêu thụ đảm bảo các dây chuyền hoạt động ổn định, nâng cao năng lực sản xuất, xây dựng các chương trình hỗ trợ khách hàng, đẩy mạnh tiêu thụ khi thị trường, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông giao.



Tổ chức, nhân sự

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, nhân viên của HABECO đến thời điểm 31/12/2021 là 557 người, lao động bình quân năm 2021 là 548 người

Những thay đổi trong ban điều hành

Không có

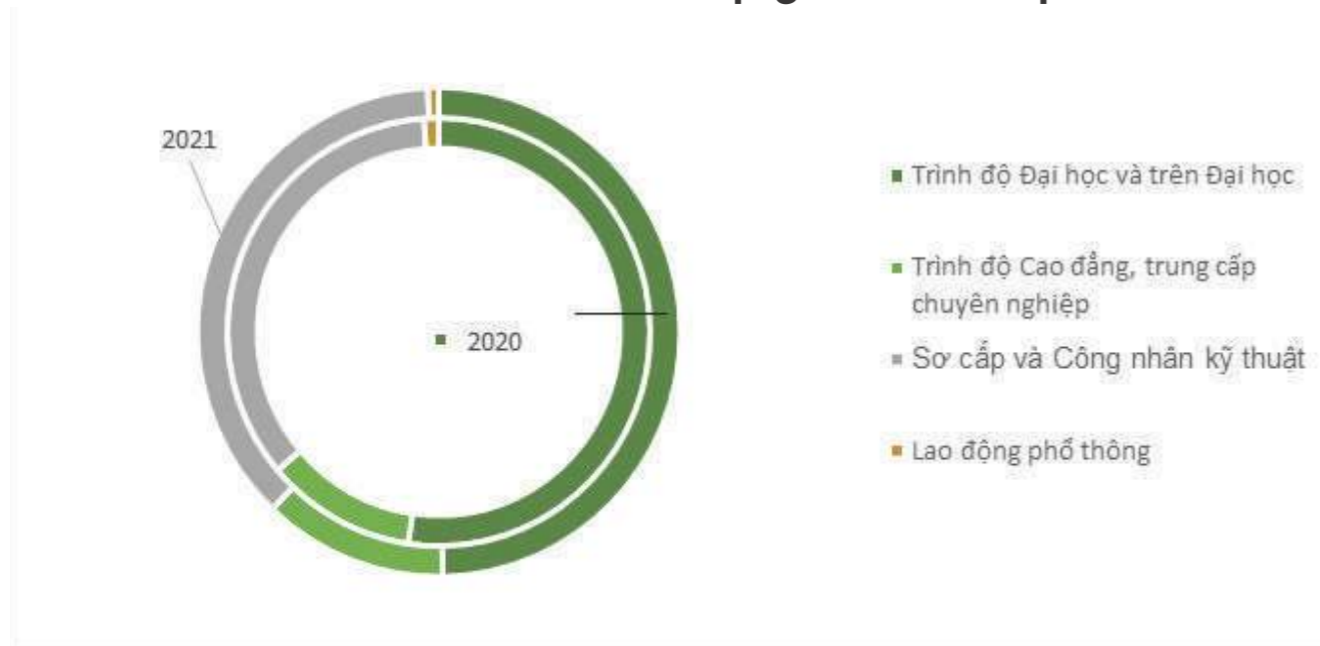


STT	Tiêu chí	Năm 2020		Năm 2021	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Trình độ lao động	539	100%	557	100%
1	Trình độ Đại học và trên đại học	282	52%	277	50%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	62	12%	69	12%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	189	35%	207	37%
4	Lao động phổ thông	6	1%	4	1%
II	Theo đối tượng lao động	539	100%	557	100%
1	Lao động trực tiếp	272	50%	274	49%
2	Lao động gián tiếp	267	50%	283	51%
III	Theo giới tính	539	100%	557	100%
1	Nam	361	67%	373	67%
2	Nữ	178	33%	184	33%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	539	100%	557	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	47	9%	25	4%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	40	7%	55	10%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	452	84%	477	86%
V	Theo cấp quản lý	539	100%	557	100%
1	Quản lý cấp cao	8	1%	8	1%
2	Quản lý cấp trung	37	7%	45	8%
3	Quản lý cấp chi nhánh	22	4%	24	4%
4	Chuyên viên, nhân viên	472	88%	480	86%
VI	Theo độ tuổi	539	100%	557	100%
1	Từ 18 đến 25 tuổi	11	2%	12	2%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	176	33%	169	30%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	265	49%	238	43%
4	Trên 45	87	16%	138	25%
Tổng cộng		539	100%	557	100%

Cơ cấu lao động của Tổng công ty được thể hiện trong các biểu đồ dưới đây:

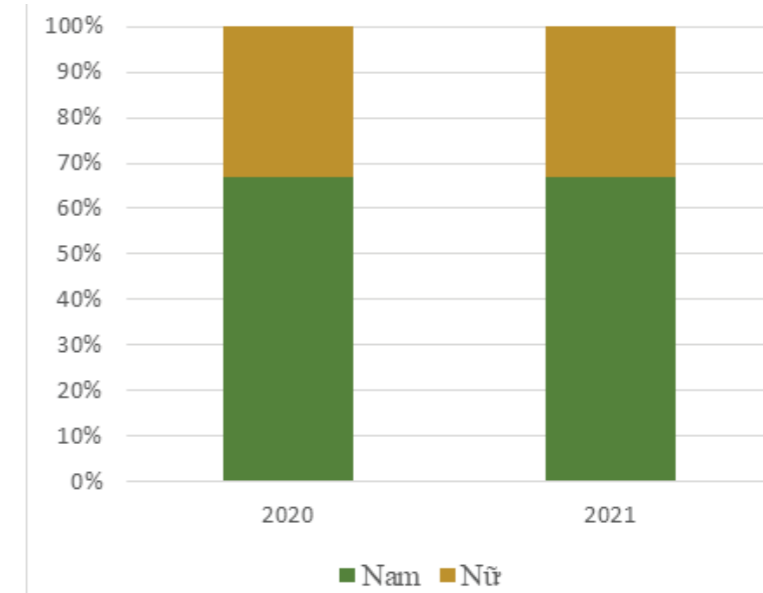


Cơ cấu lao động theo trình độ



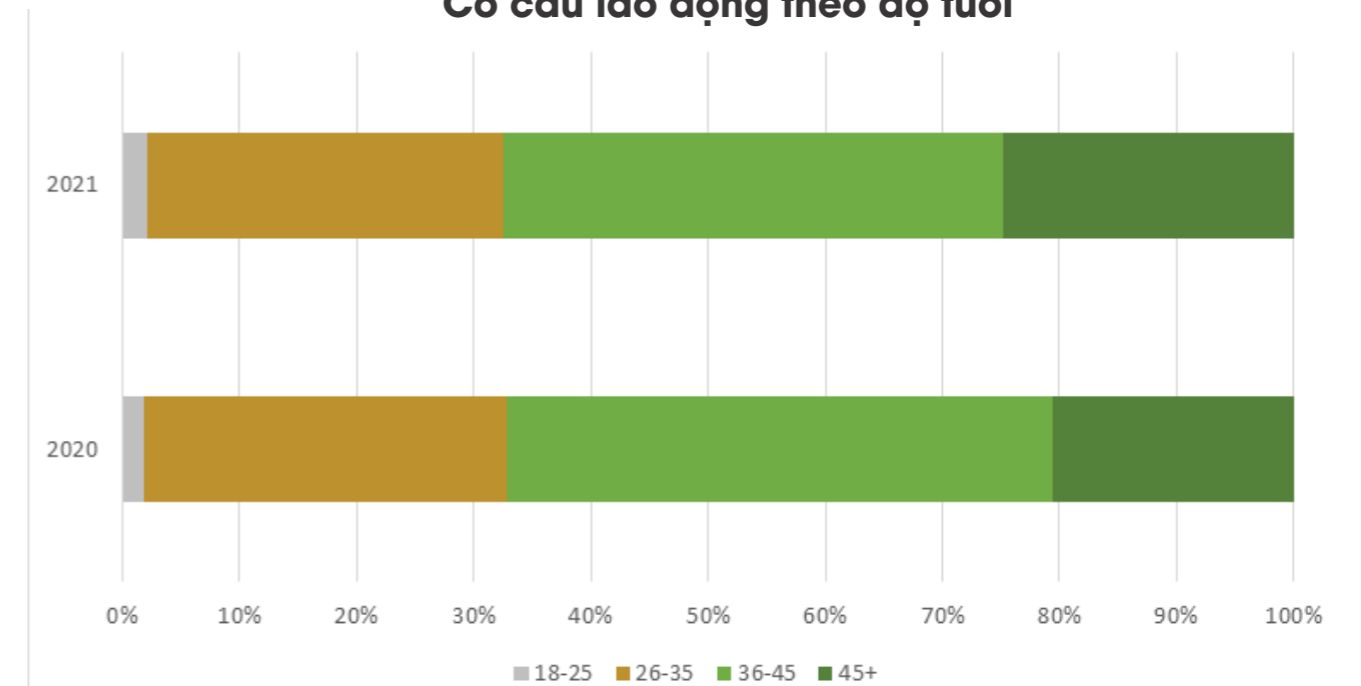
Cán bộ, nhân viên của HABECO có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ đến 72% tổng số lao động, phù hợp với chủ trương tập trung nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực, bởi đây là yếu tố then chốt trong sự thành công của HABECO

Cơ cấu lao động theo giới tính



Cơ cấu lao động theo giới tính của HABECO không có quá nhiều biến động trong 2020 với tỷ lệ lao động nữ luôn ở trên mức 30%, phù hợp với chủ trương bình đẳng giới trong các chính sách nhân sự của HABECO

Cơ cấu lao động theo độ tuổi



Năm 2021, số lượng lao động của Tổng công ty có sự gia tăng so với năm 2020, độ tuổi lao động chiếm phần lớn vẫn là từ 36 đến 45 tuổi, số lượng lao động với có thời hạn lao động lâu dài tăng lên đáng kể, có nhiều lao động có thâm niên lâu năm, gắn bó với HABECO.

Chính sách người lao động

Về chính sách đối với người lao động, HABECO luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước.

Chính sách tiền lương, thưởng: Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty, đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chế độ bảo hiểm: Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; ngoài ra người lao động còn được Tổng công ty hỗ trợ tham gia bảo hiểm sức khỏe.

Chế độ phúc lợi: Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; được hỗ trợ chi phí nghỉ mát...

Chế độ chăm sóc sức khỏe: Người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp, phụ nữ.

Chính sách đào tạo: Tổng công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho CBCNV cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ.

Các chế độ khác: CBCNV luôn được Tổng công ty tạo điều kiện trong việc cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động....



Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Dự án đầu tư xây dựng trung tâm giới thiệu sản phẩm tại phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, Phú Thọ

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Mục tiêu đầu tư	Xây dựng nhà hàng giới thiệu sản phẩm và hạ tầng phụ trợ nhằm quảng bá thương hiệu, tạo không gian thoải mái để người tiêu dùng trải nghiệm các sản phẩm của HABECO
2	Quy mô dự án	Dự án nhóm C
3	Địa điểm thực hiện dự án	Đại lộ Hùng Vương, phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
4	Tổng mức đầu tư dự án	13,2 tỷ đồng
5	Thời gian thực hiện dự án	Năm 2021-2022

Dự án nâng cấp hệ thống điều khiển nhà máy bia Hà Nội - Mê Linh

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Mục tiêu đầu tư	Nâng cấp, tối ưu hóa hệ thống điều khiển quy trình sản xuất của nhà máy, đảm bảo hệ thống điều khiển nhà máy vận hành ổn định, đảm bảo an toàn sản xuất, góp phần tăng hiệu suất, giảm hao phí
2	Quy mô dự án	Dự án nhóm C
3	Địa điểm thực hiện dự án	Nhà máy bia Hà Nội - Mê Linh, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội
4	Tổng mức đầu tư dự án	14,9 tỷ đồng
5	Thời gian thực hiện dự án	Năm 2019-2021

Dự án nâng cấp hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Mục tiêu đầu tư	Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp cho toàn Tổng công ty, chuẩn hóa và tự động hóa quy trình hoạt động, đồng bộ và hợp nhất dữ liệu, xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị, điều hành tại Tổng công ty và Công ty MTV
2	Quy mô dự án	Dự án nhóm C
3	Địa điểm thực hiện dự án	Tại Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO
4	Tổng mức đầu tư dự án	21,76 tỷ đồng (trong đó vốn đầu tư của Tổng công ty là 9,2 tỷ đồng)
5	Thời gian thực hiện dự án	Năm 2020-2022



Công ty con, công ty liên kết

Kết quả kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty	Vốn chủ sở hữu	Doanh Thu Tổng doanh thu và thu nhập khác	Doanh Thu		
				Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
A Công ty con						
1	Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	77.591	4.503.075	4.305.958	27.182	21.449
	Công ty CP Bia Hà Nội – Hải Dương	71.985	128.649	126.565	3.694	3.151
2	Công ty CP Bia Hà Nội – Hải Phòng	154.727	178.347	176.133	2.318	1.812
3	Công ty CP Bia Hà Nội – Nam Định	25.537	53.091	52.494	2.327	1.987
4	Công ty CP Bia Hà Nội – Thái Bình	110.907	122.264	122.019	(813)	(883)
5	Công ty CP Bia Hà Nội – Thanh Hóa	149.370	1.301.632	1.298.462	8.316	5.605
6	Công ty CP Bia Hà Nội – Quảng Bình	42.014	25.503	24.801	(9.983)	(9.983)
7	Công ty CP Bao bì Bia – Rượu – NGK	27.963	62.263	61.989	926	926
8	Công ty CP Rượu và Nước giải khát Hà Nội	342.618	107.248	102.052	(26.264)	(26.264)
9	Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	51.490	459.254	448.690	1.978	1.065
10	Công ty CP Bia – Rượu – NGK Hà Nội – Quảng Ninh	28.733	151.101	144.160	(573)	(573)
11	Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghệ Bia – Rượu – NGK Hà Nội	315.197	406.586	404.879	21.017	16.746
12	Công ty CP bia Hà Nội – Nghệ An	246.745	330.602	318.169	54.371	53.012
13	Công ty CP bia Hà Nội – Quảng Trị	100.777	133.660	133.217	1.057	1.057
14	Công ty CP Habeco Hải Phòng	156.854	276.822	275.442	18.262	14.550
15	Công ty CP Bia Hà Nội – Hồng Hà	108.538	115.994	112.332	4.428	3.560

STT	Tên công ty	Doanh Thu				
		Vốn chủ sở hữu	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
B	Công ty liên doanh, liên kết					
1	Công ty CP Bao bì Habeco	40.625	91.134	90.126	336	336
2	Công ty CP bia Hà Nội – Kim Bài	47.304	100.018	98.638	807	688
3	Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại	133.142	46.809	40.118	27.207	23.295
4	Công ty CP vận tải Habeco	28.955	31.078	29.582	(5.094)	(5.094)
5	Công ty CP Đầu tư phát triển Habeco	20.993	4	-	(131)	(131)
6	Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	422.416	256.393	253.621	21.262	16.406

Trong năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên gặp rất nhiều khó khăn do tiếp tục chịu tác động kép từ Luật Phòng chống tác hại của rượu bia, Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh Covid - 19 gây ra. Tại một số thời điểm, do diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh có đơn vị phải tạm ngừng hoạt động. Hoạt động sản xuất không ổn định, hệ thống thiết bị không phát huy được công suất thiết kế, trong khi đó, chi phí khấu hao và lãi vay cố định chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp, đồng thời đơn vị vẫn phải duy trì lực lượng lao động nòng cốt, nộp thuế, phải trả nhà cung cấp, trả lương cho người lao động, trả lãi vay ngân hàng,....

Trước những khó khăn nêu trên, HABECO đã chỉ đạo Người đại diện vốn tại các công ty thành viên cùng Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty triển khai các biện pháp ứng phó với đà suy giảm, tối ưu hóa các nguồn lực nhằm ổn định sản xuất, tiêu thụ đảm bảo các dây chuyền hoạt động ổn định sẵn sàng nâng cao sản lượng sản xuất, xây dựng các chương trình hỗ trợ khách hàng, đẩy mạnh tiêu thụ khi thị trường phục hồi, cụ thể:

- Thường xuyên theo dõi diễn biến, đánh giá nhu cầu thị trường qua đó tập trung nguồn lực, chi phí cho phát triển thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm phù hợp với thực tiễn nhu cầu xã hội, áp dụng công nghệ số, vận dụng giải pháp kinh tế chia sẻ, phù hợp với thực tế hoạt động của từng công ty để thực hiện và có đánh giá giữa chi phí gắn với hiệu quả kinh doanh
- Rà soát, xác định các kế hoạch chi phí thực sự cần thiết cho sản xuất, kinh doanh, cắt giảm các chi phí chưa cần thiết.
- Tạm dừng các hạng mục đầu tư chưa thực sự cấp bách.
- Theo dõi và áp dụng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp trước ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh.
- Tăng cường công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền; quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành.

-Thực hiện nghiêm túc các chỉ thị của Chính phủ cũng như của Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác chống dịch, đồng thời chủ động thực hiện sắp xếp, bố trí lao động linh hoạt theo tình hình dịch bệnh.

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020 (đồng)	Năm 2021 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	7.684.082.600.975	7.087.729.500.362	-7.76%
Doanh thu thuần	7.452.592.109.444	6.950.539.185.083	-6.74%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	485.109.488.927	385.091.154.963	-20.62%
Lợi nhuận khác	282.137.834.246	26.477.460.906	-90.62%
Lợi nhuận trước thuế	767.247.323.173	411.568.615.869	-46.36%
Lợi nhuận sau thuế	660.588.740.136	324.172.819.885	-50.93%

Do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhu cầu tiêu dùng các khu vực thị trường chính của HABECO bắt đầu giảm mạnh từ tháng 6/2021, là mùa cao điểm bán hàng, khi phần lớn các tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách theo chỉ thị 15, 16 của Thủ tướng Chính phủ như Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình.... Sản lượng tiêu thụ bia các loại của HABECO và các công ty thành viên thời gian này giảm trung bình khoảng 50% so với cùng kỳ, dẫn đến doanh thu, lợi nhuận đều giảm sút. Cùng với đó, Lợi nhuận giảm mạnh so với cùng kỳ là do trong năm 2020, HABECO có khoản thu nhập khác từ hoàn nhập chi phí dự phòng phải trả của các năm trước.

Trong năm 2021, HABECO đã thực hiện các giải pháp, trong đó thực hiện tiết giảm chi phí để chủ động kịp thời ứng phó với các tình huống phần đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHCĐ giao.



Các chỉ tiêu tài chính

Về các chỉ tiêu khả năng thanh toán, hệ số thanh toán hiện hành và hệ số thanh toán nhanh của HABECO lần lượt là 2,06 và 1,80; cả hai hệ số thanh toán này của Tổng công ty giảm so với cùng kỳ 2020, nguyên nhân là do nợ ngắn hạn trong năm tăng (20,55%YoY) trong khi tài sản ngắn hạn giảm là 3,53%, bên cạnh việc khoản mục hàng tồn kho của HABECO cũng giảm với tỷ lệ là 6,48%. Các chỉ tiêu thanh toán của HABECO ở mức trung bình ngành. Khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của HABECO vẫn được đảm bảo và ở mức an toàn.

Về các chỉ tiêu cơ cấu vốn, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản của HABECO năm 2021 ở là 0,32 lần, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu là 0,47 lần có tăng so với cùng kỳ, chủ yếu do trong năm HABECO có khoản nợ phải trả liên quan đến việc chi trả cổ tức tiền mặt cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Nhìn chung, cơ cấu vốn của HABECO ở mức an toàn, các khoản nợ ở trong khả năng chi trả.

Về các chỉ tiêu hoạt động, vòng quay hàng tồn kho của HABECO là 9,14 vòng tăng nhẹ so với năm 2020 là 8,86 vòng, nguyên nhân là do tốc độ giảm của hàng tồn kho (-6,88%YoY) tăng nhanh hơn so với tốc độ tăng của giá vốn hàng bán (-3,80%YoY). Tình hình giãn cách kéo dài khiến cho việc tiêu thụ thành phẩm của HABECO bị ảnh hưởng nghiêm trọng, do đó năm 2021, HABECO thực hiện việc dự trữ hàng tồn kho nguyên vật liệu một cách thận trọng hơn so với các năm trước. Chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản ghi nhận mức giảm nhẹ so với cùng kỳ 2020, đạt mức 0,94 vòng do doanh thu giảm trong năm.

Về các chỉ tiêu sinh lời, cả 03 chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần của HABECO giảm so với cùng kỳ, lần lượt là 6,13%; 4,39% và 5,54%. Nguyên nhân chính là do tác động tiêu cực của đại dịch Covid tới hoạt động sản xuất kinh doanh của HABECO và do trong năm 2020, HABECO có khoản thu nhập khác từ hoàn nhập chi phí dự phòng phải trả của các năm trước.

Các chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2020	2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	2,58	2,06
Hệ số thanh toán nhanh	lần	2,24	1,80
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,25	0,32
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,34	0,47
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	8,86	9,14

Các chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2020	2021
Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,96	0,94

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	8,86	4,66
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	12,10	6,13
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	8,55	4,39
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,51	5,54

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phần: 231.800.000 cổ phần, trong đó:
Cổ phần phổ thông: 231.800.000 cổ phần
Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 231.800.000 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

STT	Nhóm cổ đông	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/Tổng số cổ phần (%)
1	Cổ đông Nhà nước	189.592.400	81,79
2	Cổ đông chiến lược Carlsberg Breweries A/S	40.198.200	17,34
3	Cổ đông khác	2.009.400	0,87
	- Trong nước	1.787.970	88,98
	- Nước ngoài	221.430	11,02
Tổng cộng		231.800.000	9,50

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2021

Những giải pháp đã thực hiện năm 2021

Tình hình tài chính

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội trong năm 2021

CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu đạt 281,5 triệu lít, tăng 0,54% so với kế hoạch.

Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính (đã bao gồm thuế TTĐB) đạt 5.736 tỷ đồng, tăng 6,39% so với kế hoạch.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 376,8 tỷ đồng, tăng 18,1% so với kế hoạch.

Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 310,5 tỷ đồng, tăng 21,7% so với kế hoạch.

Giải pháp đã thực hiện năm 2021

Công tác bán hàng

Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid, năm 2021, HABECO đã kịp thời có những giải pháp thích ứng trong công tác bán hàng, phát triển thị trường:

- Tại từng thị trường thực hiện giãn cách hoặc tạm dừng hoạt động nhà hàng theo quy định địa phương để ứng phó dịch bệnh, cắt giảm mạnh chi phí của kênh tiêu dùng tại chỗ (chi phí hỗ trợ cho Nhà hàng tài trợ, nhân viên tiếp thị và các hoạt động activation tại nhà hàng quán ăn, ...); Ngân sách từ kênh Nhà hàng được chuyển sang kênh phân phối truyền thống để thúc đẩy tiêu dùng tại nhà.

- Triển khai chương trình thẻ cào cho người tiêu dùng cuối vào dịp hè, áp dụng đối với sản phẩm Bia Hà Nội lon vàng và Bia Hà Nội lon nhãn xanh. Đây là chương trình chưa có tiền lệ để thu hút sức mua của người tiêu dùng tại phân khúc sản phẩm thẻ mạnh của HABECO.

- Đẩy mạnh tiêu thụ trên các kênh phân phối hiện đại để thích ứng với tình hình mới như kênh siêu thị và Thương mại điện tử E-commerce (Tiki, Shopee, Lazada...) để bắt kịp xu thế tiêu dùng hiện đại, cũng như đẩy mạnh công tác truyền thông, nhận diện thương hiệu, dễ dàng tiếp cận đến đối tượng khách hàng mục tiêu. Thực tế, kênh thương mại điện tử của Habeco mới kích hoạt từ tháng 12/2021 nhưng đã nhanh chóng nằm trong top 5 thương hiệu ngành hàng FMCG, top 5 thương hiệu ngành hàng đồ uống của Việt Nam cho thấy tín hiệu rất tích cực đối với hình thức phân phối này.



Về sản phẩm

Trong năm 2021, công tác phát triển sản phẩm mới và đổi mới bao bì, nhãn mác sản phẩm được tích cực thực hiện, mang lại những trải nghiệm về sản phẩm bia Hà Nội luôn tươi mới cho người tiêu dùng, cụ thể:

- Đưa ra thị trường sản phẩm bia hơi Hà Nội lon 500ml, hộp 12 lon.

- Ra mắt bia lon Hanoi Cool thuộc phân khúc phổ thông tại thị trường Quảng Ninh từ tháng 9/2021.

- Ra mắt các sản phẩm Lon Sleek Trúc Bạch, Ha Noi Premium trong Quý 4/2021 nhằm bắt kịp xu hướng tiêu dùng hiện nay khi người tiêu dùng ngày càng ưa chuộng lon Sleek với thiết kế mang lại cảm giác “thời thượng, sành điệu” hơn lon truyền thống; Dự kiến năm 2022 sẽ chuyển đổi bao bì sleek đối với lon Bold, Light, ra mắt sản phẩm Trúc Bạch Craft.

- Phát triển các thiết kế bao bì sản phẩm Tết 2021 – 2022 với màu sắc tươi trẻ, tinh tế, sang trọng để thu hút người tiêu dùng đã góp phần không nhỏ vào thành công của chiến dịch Tết.



**ĐAM
CÁ TÍNH**

Công tác truyền thông và phát triển thương hiệu

Mặc dù dịch bệnh Covid đã ảnh hưởng lớn đến toàn bộ hoạt động kinh doanh, trong năm 2021, công tác truyền thông và phát triển thương hiệu của HABECO đã được tổ chức linh hoạt, ứng biến kịp thời, phù hợp với điều kiện xã hội trong bối cảnh thích ứng với diễn biến dịch bệnh. Chất lượng các hoạt động truyền thông thương hiệu được nâng cao với thông điệp truyền tải rõ ràng, đồng nhất.

Các hoạt động truyền thông luôn được triển khai sớm và xuyên suốt trên các kênh truyền thông đại chúng phổ biến như: TV, đài radio, biển bảng, banner báo mạng, Youtube, Facebook, Zalo... và nhiều vùng địa lý bán hàng từ Bắc tới Nam.

Công tác nhân sự

Năm 2021, do ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid 19, Tổng công ty đã chủ động thực hiện sắp xếp, bố trí lao động linh hoạt theo tình hình dịch bệnh, bố trí giảm thời gian làm việc, cho người lao động nghỉ luân phiên, nghỉ chờ việc hưởng lương tối thiểu vùng. Mặc dù đã tìm mọi biện pháp nhưng để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình mới, Tổng công ty vẫn phải thực hiện soát xét, sửa đổi giảm định mức, định biên lao động tương ứng với kế hoạch SXKD bị ảnh hưởng do tác động dịch bệnh Covid-19, có chính sách hỗ trợ cho người lao động nghỉ chấm dứt Hợp đồng lao động một cách hợp lý.

HABECO × TIKI

TƯNG BỪNG CHÀO SÀN

THEO DÕI NGAY



Về quản trị tài chính



Trong năm 2021, Habeco luôn đảm bảo đáp ứng đủ vốn cho hoạt động SXKD tại mọi thời điểm, tối ưu được lợi nhuận tài chính; thực hiện tiết giảm và tạm dừng các hoạt động, chi phí chưa cần thiết để dành nguồn lực cho công tác bán hàng, giúp tăng cường sức cạnh tranh của sản phẩm mang thương hiệu Habeco trên thị trường.

Thực hiện các giải pháp hỗ trợ tài chính đối với các Công ty thành viên đang gặp khó khăn như Công ty CP Bao bì Habeco, Công ty CP Bia Hà Nội – Thái Bình nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị được liên tục, kết quả sản xuất kinh doanh được cải thiện. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn tổ hợp.

Trong năm, Habeco đã triển khai các thủ tục để được cơ quan Nhà nước phê duyệt giảm tiền thuê đất, gia hạn nộp các khoản thuế theo chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trước ảnh hưởng của đại dịch Covid; đồng thời đã giải quyết dứt điểm các vướng mắc, tồn đọng trong việc thực hiện các kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền của Nhà nước trong các năm vừa qua, đã nhận được quyết định hoàn thuế TNDN do thuế TTĐB tăng theo kiến nghị KTNN giai đoạn 2008 đến 2015 (255 tỷ) bằng hình thức bù trừ với nghĩa vụ thuế TNDN các năm tiếp theo.

Tiếp tục quản trị chi phí cũng như giá thành sản phẩm tại Công ty mẹ và các công ty thành viên đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả hoạt động.

Công tác xã hội khác

Duy trì tốt và chủ động việc thăm hỏi, trợ cấp ốm đau cho cán bộ CNVCLĐ bị đau yếu và có hoàn cảnh khó khăn; giải quyết tốt các chế độ chính sách của người lao động như BHXH, BHYT, BHTN, phúc lợi... Hỗ trợ kịp thời người lao động bị ảnh hưởng Covid-19 và hỗ trợ trong công tác chống dịch, duy trì phụng dưỡng 12 mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc trẻ mồ côi, ủng hộ quỹ các quỹ xã hội của Trung ương và địa phương và một số hoạt động từ thiện khác. Số tiền từ thiện xã hội năm 2021 là 4,5 tỷ đồng.



Công tác kỹ thuật, chất lượng, ISO

Liên tục rà soát, thực hiện ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật cho các loại nguyên vật liệu, bao bì, phụ gia, hóa chất, năng suất dây chuyền, hiệu suất thu hồi các công đoạn... theo từng loại sản phẩm, đảm bảo phù hợp với thực tế sản xuất, kiểm soát chặt chẽ hao phí, thực hiện mục tiêu tiết kiệm nguyên vật liệu, nâng cao năng suất thiết bị trong các công đoạn sản xuất, cung cấp.

Các giải pháp để cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm đã đạt kết quả tốt, điểm cảm quan của các loại bia năm 2021 đều cao hơn so với năm 2020. Công tác quản lý kho, đảo kho, kiểm soát hàng tồn kho được thực hiện đúng quy định, đảm bảo chất lượng hàng hóa lưu kho trong giai đoạn nồm ẩm, giai đoạn tiêu thụ thấp điểm.

Tiếp tục triển khai nghiên cứu các sản phẩm mới: bia không cồn, Cider vị hoa quả, bia hoa quả, nước tăng lực,...

Hoạt động sáng kiến cải tiến được khuyến khích, trong năm có hơn 60 sáng kiến cải tiến lớn nhỏ, trong đó nhiều sáng kiến lần đầu tiên được thực hiện triển khai và đem lại hiệu quả, giá trị làm lợi rõ ràng cũng như phù hợp với chiến lược, định hướng của Habeco trong lĩnh vực số hóa, nâng cao công tác quản trị hệ thống, cải tiến chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa sản xuất.

Công tác đầu tư

- Đưa vào vận hành thành công Dự án ERP phân hệ SD, FICO, MM từ cuối năm 2019 và tiếp tục triển khai, đưa vào vận hành một phần phân hệ PP, QM cuối năm 2021. Việc ứng dụng công nghệ quản trị doanh nghiệp đã giúp Habeco quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn cũng như phòng tránh được những rủi ro có thể xảy ra.
- Hoàn thành dự án đầu tư nâng cấp hệ thống điều khiển Botec tại Nhà máy bia Hà Nội - Mê Linh.
- Triển khai thi công trung tâm giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại thành phố Việt Trì, Phú Thọ. Dự kiến hoàn thành trong quý II/2022.
- Khảo sát, lập các dự án nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới công nghệ, thiết bị tại nhà máy Mê Linh: Nâng cấp hệ thống thu hồi CO₂; hệ thống lọc bia bằng màng lọc; bổ sung bồn lên men, bồn chứa bia thành phẩm tại nhà máy.
- Hoàn thiện dự án xây dựng khu nhà làm việc Khối Kỹ thuật tại Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh. Golve dự án ERP trong tháng 12/2019, tích hợp hóa đơn điện tử và hoàn thiện các báo cáo tồn đọng năm 2020.
- Hoàn thành các thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu CN Tiên Sơn - Bắc Ninh; Qua đó hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho hầu hết các khu đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của Tổng công ty.



Tình hình tài chính

Trong năm 2021, HABECO chịu sự ảnh hưởng rất lớn trước tác động kép của Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, làm cho tình hình sản xuất kinh doanh rất khó khăn. Trước tình hình đó, tập thể Ban lãnh đạo HABECO đã phát huy nỗ lực, sáng tạo trong điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu tài chính do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Từ đó tình hình tài chính của HABECO vẫn đảm bảo lành mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Tổng công ty không bị mất cân đối tài chính, vốn lưu động ròng luôn dương trong năm.

HABECO luôn chấp hành đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2020		2021		Tăng/ giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Tài sản ngắn hạn	4.500.763.443.175	58,57%	4.341.875.502.440	61,26%	-3,53%
B. Tài sản dài hạn	3.183.319.157.800	41,43%	2.745.853.997.922	38,74%	-13,74%
Tổng tài sản	7.684.082.600.975	100%	7.087.729.500.362	100%	-7,76%

Tại thời điểm 31/12/2021, tổng tài sản của HABECO là 7.088 tỷ đồng, giảm 7,76% so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng tài sản, tài sản ngắn hạn là 4.341,9 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 61,26% tổng tài sản, tài sản dài hạn là 2.745,8 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 38,74% tổng tài sản. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn đang ở mức hợp lý phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2020		2021		Tăng/ giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Nợ ngắn hạn	1.746.185.904.092	89,61%	2.104.987.465.003	93,44%	20,55%
B. Nợ dài hạn	202.358.681.310	10,39%	147.863.736.630	6,56%	-26,93%
Nợ phải trả	1.948.544.585.402	100,00%	2.252.851.201.633	100,00%	15,62%

Tại thời điểm ngày 31/12/2021, tổng nợ phải trả của HABECO là 2.252,9 tỷ đồng, tăng 15,62% so với năm trước. Nợ dài hạn giảm 26,93% xuống còn 147,9 tỷ đồng, trong khi đó, nợ ngắn hạn tăng 20,55% lên 2.104,99 tỷ đồng.

Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ phải trả, lên tới 93,44%. Các khoản phải trả ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu nợ, tăng mạnh trong so với năm 2020 chủ yếu liên quan đến cổ tức phải trả cho các cổ đông. Năm 2021, HABECO đã tập trung thanh toán công nợ với các nhà cung cấp. Phải trả người bán ngắn hạn tại thời điểm giảm 26,6% từ 545,69 tỷ xuống gần 400,56 tỷ đồng.

Nợ dài hạn chỉ chiếm 6,56% trong cơ cấu nợ của HABECO. Cụ thể, vay và nợ thuê tài chính dài hạn cũng giảm khoảng 52 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm là 51,92% do đó, nợ dài hạn đã giảm gần 26,93%..

Tình hình chung

Năm 2022 tiếp tục là năm nhiều thách thức đối với HABECO. Dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid, khủng hoảng năng lượng ở châu Âu, chiến tranh Nga - Ukraine..., dự kiến năm 2022 sẽ tiếp tục là năm khó khăn đối với các doanh nghiệp. Chuỗi cung ứng đứt gãy, giá vật tư nguyên liệu đầu vào biến động tăng liên tục ở mức cao trong 3 tháng đầu năm, đặc biệt là xăng dầu (tăng gần 50%), malt (tăng 50%), vỏ lon (tăng 30-40%), hộp giấy (tăng 15%), nắp chai (tăng 35%), chi phí vận chuyển (tăng 15%), giá các vật tư nguyên liệu khác cũng tăng từ 15-20% và dự báo sẽ tiếp tục tăng cao nữa.... Nguồn cung nguyên liệu khan hiếm, việc nhập vật tư nguyên liệu chính để sản xuất có nguy cơ chậm tiến độ vì đối tác nước ngoài không bố trí được phương tiện vận chuyển đã đặt ra gánh nặng chi phí cho các nhà sản xuất.

Trong khi đó, dịch bệnh Covid diễn ra trong 2 năm qua đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người lao động, làm cho nhu cầu tiêu dùng suy giảm. Mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề nhưng các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đồ uống có cồn không được hưởng một số chính sách hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế chung như các ngành sản xuất hàng tiêu dùng khác. Trong điều kiện chi phí đầu vào tăng nhanh, sức mua yếu, Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam đã đánh giá ngay cả đối với những doanh nghiệp có tiềm lực và quy mô lớn cũng sẽ phải mất nhiều năm để có thể quay trở lại mức phát triển như trước đại dịch.



Đối thủ cạnh tranh

Các đối thủ cạnh tranh tập trung nguồn lực rất lớn vào việc thực hiện các chương trình khuyến mại đến người tiêu dùng xuyên suốt năm, đầu tư rất nhiều cho hệ thống phân phối, đồng thời liên tục đưa ra thị trường các sản phẩm mới nhằm đa dạng danh mục sản phẩm và cạnh tranh trực tiếp vào phân khúc phổ thông, vốn là thế mạnh của HABECO. Ngay từ đầu năm 2022, các đối thủ chính của HABECO là SABECO và HEINEKEN đã triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông thương hiệu, xúc tiến bán hàng rộng khắp trên toàn quốc và tại tất cả các phân khúc sản phẩm, trong đó, đặc biệt các hãng đều chú trọng vào các chương trình thúc đẩy bán hàng đối với các sản phẩm phổ thông- phân khúc thị trường chính của HABECO. Ngay sau mùa kinh doanh tết, các hãng tiếp tục triển khai một loạt các chương trình, hoạt động xúc tiến bán hàng cho người tiêu dùng, dự báo Habeco sẽ tiếp tục chịu rất nhiều sức ép từ các đối thủ cạnh tranh.



Mục tiêu và các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính

- Tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu về thị phần trên thị trường Bia Miền Bắc, tăng trưởng nhanh tại Bắc Trung Bộ; từng bước xây dựng nền tảng để phát triển Habeco tại thị trường Miền Nam.
- Chặn đà suy giảm thị phần vào năm 2022 và tăng trưởng trở lại từ năm 2023.
- Cải tiến bao bì, mẫu mã sản phẩm phù hợp với thị hiếu và tăng tính cạnh tranh trên thị trường; Tái định vị giá của các sản phẩm của HABECO.
- Truyền thông thương hiệu theo định hướng chiến lược mới lấy nền tảng digital làm trọng tâm; Triển khai các chương trình khuyến mại đối với người tiêu dùng phù hợp với bối cảnh mới.



Trên cơ sở mục tiêu trên, HABECO xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
Tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu	Triệu lít	300,06
<i>Trong đó</i>		
- Bia các loại	Triệu lít	298,3
- Nước uống đóng chai Uniaqua	Triệu lít	1,74
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính	Nghìn tỷ đồng	6.605,2
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	274,9
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	220,8
Cổ tức	%	6

GIẢI PHÁP

Công tác bán hàng

Nâng cao hiệu quả của hoạt động bán hàng trên các thị trường truyền thống, mở rộng độ phủ và gia tăng tỷ trọng hàng hóa của Habeco trên các kênh, tiếp tục phát triển kênh Thương mại điện tử. Khai thác tiềm năng và mở rộng tới các thị trường phi truyền thống và thị trường mới.

Xây dựng các chương trình hỗ trợ phát triển hệ thống phân phối, đảm bảo lợi nhuận cho khách hàng các cấp.

Triển khai các chương trình khuyến mại cho người tiêu dùng, đặc biệt trong Tết truyền thống và Hè 2022.

Tiếp tục xây dựng, truyền thông quảng bá thương hiệu, tăng cường nhận diện thương hiệu và tương tác với khách hàng, đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, nâng cao chất lượng và nội dung phù hợp với từng nhóm khách hàng mục tiêu.

Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và nâng cấp bao bì nhãn mác qua đó tăng cường năng lực cạnh tranh của các sản phẩm Habeco trên thị trường.

Công tác tài chính

Thực hiện tốt công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền, đảm bảo hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, tối ưu lợi nhuận tài chính và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và các cổ đông.

Thực hiện tốt công tác dự báo tình hình sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính chủ động, kịp thời trong việc điều hành, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SKXD đã được ĐHCĐ giao.

Phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên, qua đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ về tài chính kịp thời cho các đơn vị gặp khó khăn, nâng cao hiệu quả đầu tư vốn tại các công ty thành viên.

UniAqua



Công tác đầu tư

Hoàn thành và đưa vào vận hành hệ thống SAP tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO.

Xây dựng chương trình, kế hoạch và thực hiện các sáng kiến chuyển đổi số, tập trung vào lĩnh vực marketing, bán hàng và phân phối sản phẩm.

Thực hiện các dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới công nghệ, thiết bị tại nhà máy Bia Hà Nội – Mê Linh: nâng cấp hệ thống thu hồi CO2, hệ thống lọc bia bằng màng lọc, bổ sung bồn lên men, bồn chứa bia tươi.

Hoàn thành và đưa vào khai thác các trung tâm giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại Việt Trì – Phú Thọ, Đông Hà - Quảng Trị.

Công tác khác

Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các Phòng ban theo yêu cầu công tác quản lý và điều hành.

Xây dựng các chương trình đào tạo theo hướng bám sát nhu cầu thực tiễn của các bộ phận cũng như kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, đẩy mạnh hoạt động đào tạo nội bộ, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung.

Tư vấn và giải quyết các chính sách cho người lao động đúng chế độ và kịp thời.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý chất lượng, quản lý sản xuất.

Nghiên cứu phương pháp kiểm tra các chỉ tiêu chuyên sâu, khai thác các thiết bị phân tích hiện đại để đánh giá sâu hơn chất lượng bia cả về hóa lý, vi sinh, cảm quan.

Nghiên cứu phát triển thêm các dòng sản phẩm mới: Diet Beer, Brown Ale, Highball, bia hương hoa quả....

Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của hệ thống ISO tích hợp (ISO 9001 :2015, 14001 :2015, 22000 :2018) giữa Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI
Bottled drinking water





Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội năm 2021

HABECO luôn nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Các nhà máy đều đạt chứng nhận ISO 14001; Nước thải trong quá trình sản xuất được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của bản thân Công ty được giám sát và truyền thông số online lên Sở Tài nguyên và Môi trường, nước sau xử lý đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn giấy phép;

Các chất thải nguy hại 100% được xử lý theo đúng quy định của pháp luật; Có đầy đủ các giấy phép về khai thác nước ngầm và xả nước thải vào nguồn nước; Lập và nộp các báo cáo về khai thác nước, xả nước thải và thu gom xử lý chất thải nguy hại đầy đủ và đúng thời gian. Trong năm 2021 HABECO không vi phạm pháp luật, không phát sinh sự cố về môi trường.



HABECO đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng vào sản xuất, giúp tăng năng suất, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận, góp phần bảo vệ môi trường. Tất cả các hoạt động đều hướng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích cộng đồng.

HABECO đã thực hiện chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, người lao động được tham gia các khóa học đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với nhóm đối tượng học viên, cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc.

HABECO đã tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng và môi trường với các hoạt động cụ thể, thể hiện trách nhiệm, ý thức của doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường và xã hội.

Hanoi

BOLD & Light



Đánh giá của Hội đồng quản trị

Đánh giá về các mặt hoạt động

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Năm 2021 là một năm nhiều khó khăn đối với nền kinh tế nói chung và ngành đồ uống nói riêng bởi tiếp tục chịu tác động kép của Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính Phủ và dịch bệnh Covid-19. HABECO cũng là doanh nghiệp không nằm ngoài các khó khăn đó.

Với sự đoàn kết, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm cao và sự sáng tạo, quyết tâm trên mọi lĩnh vực hoạt động của cán bộ công nhân viên, HABECO đã nỗ lực phấn đấu và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ giao.

Theo đó, số liệu thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021 tại Công ty mẹ như sau:

- Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu đạt 281,5 triệu lít, tăng 0,54% so với kế hoạch.
- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt) đạt 5.736 tỷ đồng, tăng 6,39% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 376,9 tỷ đồng, tăng 18,1% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 310,5 tỷ đồng, tăng 21,7% so với kế hoạch.

Các hoạt động truyền thông, marketing thương hiệu và các sản phẩm của HABECO cũng được đẩy mạnh trên nền tảng số - kênh truyền thông tiếp cận người tiêu dùng hiệu quả nhất hiện nay. Cùng với đó, các hoạt động activation giới thiệu sản phẩm tại điểm bán, chương trình khuyến mại với giá trị giải thưởng lớn cũng được HABECO đẩy mạnh vào dịp cuối năm, thu hút nhiều tầng lớp người tiêu dùng tham gia.

Năm 2021, HABECO ra mắt sản phẩm mới Bia Hanoi Cool, Lon Sleek 330ml Trúc bạch và Hanoi Beer Primium đã minh chứng cho nỗ lực không ngừng hòa nhập với nhịp sống hiện đại, năng động và xu hướng tiêu dùng mới của thị trường.

Cùng với đổi mới công nghệ thân thiện với môi trường, chiến lược phát triển bền vững được HABECO cụ thể hóa qua các hoạt động vì cộng đồng và môi trường mà doanh nghiệp góp mặt.

Là một doanh nghiệp bia nội hàng đầu tại Việt Nam, HABECO luôn nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong các công tác xã hội, tích cực tổ chức các chương trình hướng đến cộng đồng như đồng hành cùng các đơn vị tuyến đầu chống dịch Covid-19, xây nhà tình nghĩa, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, ...

HABECO thực hiện chính sách đối với người lao động theo đúng Bộ Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, người lao động được tham gia các khóa học đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ phù hợp với các nhóm đối tượng học viên, cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị luôn quan tâm sâu sát đến các mặt hoạt động của HABECO, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho Hội đồng quản trị (HĐQT) được Ban điều hành thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành.

Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT được Ban điều hành triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Đối với Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của HABECO;

Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư;

Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của HABECO.

Đối với các cán bộ, quản lý khác

Các phòng, ban, đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Cán bộ quản lý làm việc có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Kế hoạch, các chỉ tiêu năm 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
Tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu:	Triệu lít	300,06
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bia các loại</i>	<i>Triệu lít</i>	<i>298,3</i>
<i>Nước uống đóng chai Uniaqua</i>	<i>Triệu lít</i>	<i>1,74</i>
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính	Tỷ đồng	6.605,2
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	274,98
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	220,8
Cổ tức	%	6

Để triển khai kế hoạch kinh doanh 2022 của HABECO, HĐQT đề ra các biện pháp chỉ đạo điều hành linh hoạt, hiệu quả, quyết liệt hơn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ, cụ thể như sau:

Công tác quản trị

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ và các Quy chế nội bộ của HABECO; nâng cao năng lực quản trị, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên HĐQT.

Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, áp dụng phương thức quản trị tiên tiến, nhằm khai thác hiệu quả các thế mạnh của HABECO, đạt được tín nhiệm của cổ đông và các nhà đầu tư.

Tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của HABECO và các công ty thành viên.

Chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt các nhiệm vụ quan trọng.

Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của hệ thống quản trị giữa Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn tại đơn vị hoạt động kém hiệu quả, đầu tư ngoài ngành.



Công tác đầu tư

Chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành và đưa vào vận hành hệ thống SAP tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO.

Xây dựng chương trình, kế hoạch và thực hiện các sáng kiến chuyển đổi số, tập trung vào lĩnh vực marketing, bán hàng và phân phối sản phẩm.

Thực hiện các dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới công nghệ, thiết bị.

Công tác tài chính, tổ chức Sản xuất – Kinh doanh

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản trị tài sản, tài chính doanh nghiệp, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, tối ưu lợi nhuận và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và các cổ đông.

Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt công tác dự báo tình hình sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính chủ động, kịp thời trong việc điều hành, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SKXD đã được ĐHĐCĐ giao.

Phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên, từ đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ kịp thời cho các đơn vị gặp khó khăn, nâng cao hiệu quả đầu tư vốn tại các công ty thành viên.



Công tác khác

Chỉ đạo hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các phòng ban theo yêu cầu công tác quản lý và điều hành, xây dựng các chương trình đào tạo theo hướng bám sát nhu cầu thực tiễn cũng như kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của HABECO, đẩy mạnh hoạt động đào tạo nội bộ, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung.

Chú trọng công tác nhân sự, đảm bảo chính sách cho người lao động được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

Tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý chất lượng, quản lý sản xuất, nghiên cứu ứng dụng phương pháp hiện đại trong sản xuất.

Chỉ đạo nghiên cứu phát triển thêm các dòng sản phẩm mới, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các khoản giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



BIA HƠI HÀ NỘI

Một nét văn hóa Hà Nội



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm vừa qua, HĐQT luôn quan tâm sâu sát đến các mặt hoạt động của HABECO, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT được Ban điều hành thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành.

Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT được Ban điều hành triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Văn phòng HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT	28/6/2018	16/16	36,79% vốn điều lệ
2	Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên HĐQT	28/06/2018	16/16	25% vốn điều lệ
3	Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	06/09/2019	16/16	10% vốn điều lệ
4	Ông Trần Thuận An	Thành viên HĐQT	06/09/2019	16/16	10% vốn điều lệ
5	Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên HĐQT	22/01/2020	16/16	17,34 % vốn điều lệ
6	Bà Quản Lê Hà	Thành viên độc lập	22/01/2020	16/16	0% vốn điều lệ

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, để chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống HABECO, HĐQT thường xuyên theo dõi, kiểm tra và giám sát chỉ đạo Ban điều hành, theo sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) để tổ chức thực hiện với tinh thần tích cực, cẩn trọng.

Để thực hiện và hoàn thành Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, HĐQT ban hành 21 Nghị quyết, trong đó 16 Nghị quyết thông qua các phiên họp trực tiếp của HĐQT và 5 Nghị quyết thông qua việc xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Đối với các nghị quyết của HĐQT đã được thông qua, hàng tháng đều được giám sát tiến độ triển khai và báo cáo kết quả trong từng phiên họp HĐQT.



Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2021 thông qua các vấn đề chính sau:

Về hoạt động kinh doanh

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong hoạt động sản xuất kinh doanh của HABECO như sau:

Thống nhất kế hoạch SXKD năm 2021 để trình ĐHĐCĐ thường niên xem xét thông qua.

Thống nhất kế hoạch chi trả cổ tức năm 2018, 2019 cho cổ đông của HABECO.

Thống nhất tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua.

Thống nhất tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc quyết định các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán hàng năm với công ty thành viên có giá trị trên 35% giá trị tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán và đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua.

Thống nhất chủ trương sẽ quản lý các nhãn hiệu bia do các công ty con trong HABECO đang sở hữu. Chỉ đạo công ty thành viên tập trung nâng cao chất lượng và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm li xăng và gia công nhằm phát triển thương hiệu bia Hà Nội.

Thống nhất chủ trương phát triển sản phẩm bia lon mới.

Phê duyệt định mức nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm nước uống đóng chai của dây chuyền chiết nước tinh lọc tại Nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám; Định mức năng suất dây chuyền chiết chai 60.000 chai/giờ đối với việc sản xuất sản phẩm bia chai Hà Nội 450ml tại Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh; Định mức nguyên vật liệu, hóa chất cho các sản phẩm Bia Hanoi Bold, Bia Hanoi Light,...

Về tổ chức lao động, tiền lương

Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2020; Kế hoạch lao động, chỉ tiêu tiền lương năm 2021 của Tổng công ty.

Phê duyệt quyết toán tiền lương thực hiện năm 2020 và kế hoạch tiền lương, tiền thưởng năm 2021 của Ban điều hành.

Phê duyệt quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng, ban, viện của Tổng công ty.

Phê duyệt danh sách nhân sự quy hoạch chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty giai đoạn 2022-2027.

Phê duyệt danh sách nhân sự đại diện phần vốn của HABECO, giới thiệu tham gia HĐQT và nhân sự kiểm soát viên của HABECO tại công ty thành viên.

Thống nhất đánh giá mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của Người đại diện vốn, Kiểm soát viên của Tổng công ty tại các công ty thành viên năm 2020.

BIA HÀ NỘI



Về ban hành các quy chế, quy định nội bộ

Trong năm 2021, HABECO đã thực hiện rà soát, cập nhật các quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 để sửa đổi, bổ sung, ban hành quy chế, quy định nội bộ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 sau:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi.
- Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi.
- Quy chế hoạt động của HĐQT.
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

Rà soát, sửa đổi và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế công bố thông tin, Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ, Quy chế quản lý dòng tiền.

Về hoạt động của các công ty thành viên

HABECO hiện có 26 công ty thành viên, trong đó, có 16 công ty chiếm tỷ lệ sở hữu trên 50% vốn điều lệ; 06 công ty có tỷ lệ sở hữu từ 20% đến dưới 50% vốn điều lệ và 04 Công ty có tỷ lệ sở hữu dưới 20% vốn điều lệ.

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện kiểm soát các mặt hoạt động của công ty thành viên thông qua cử người đại diện vốn tham gia vào HĐQT, Ban điều hành của các công ty. Người đại diện vốn của HABECO tại các công ty thành viên thực hiện đúng chế độ thông tin, báo cáo, xin ý kiến HĐQT Tổng công ty về các nội dung tham gia biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ.

Phê duyệt kế hoạch để triển khai công tác kiểm toán nội bộ, giám sát tài chính công ty thành viên trong năm 2022.

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên, HĐQT đã thực hiện phê duyệt chủ trương thực hiện việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.. của một số công ty thành viên.

Về hoạt động đầu tư

Thông nhất phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm giới thiệu sản phẩm tại phường Vân Cờ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Chỉ đạo rà soát Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án bồn lên men, bồn chứa bia thành phẩm tại Nhà máy Bia Hà Nội-Mê Linh, Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án nâng cấp hệ thống thu hồi CO2 ở Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh để đưa vào kế hoạch đầu tư năm 2022; Chỉ đạo việc lập Báo cáo đề xuất đầu tư Dự án đầu tư hệ thống lọc bia tại Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh trình Bộ Công Thương xem xét chỉ đạo.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong năm 2021, Bà Quản Lê Hà đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên độc lập theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty cũng như các quy chế, quy định nội bộ của Habeco. Cùng với các thành viên HĐQT khác, Bà Quản Lê Hà đã có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị HABECO.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị

- Ông Trần Đình Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Ngô Quế Lâm - Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Vũ Xuân Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Trần Thuận An - Thành viên Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi tham dự	Cổ phần sở hữu
1	Chữ Thị Thu Trang	Trưởng BKS	28/4/2016	03/03	Đại diện sở hữu:0 Sở hữu cá nhân:0
2	Trần Minh Tuấn	Kiểm soát viên	25/4/2019	03/03	Đại diện sở hữu:0 Sở hữu cá nhân:0
3	Thiều Hồng Nhung	Kiểm soát viên	22/01/2020	03/03	Đại diện sở hữu:0 Sở hữu cá nhân:0

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tiến hành họp 03 lần với sự tham gia đầy đủ của các Kiểm soát viên. Nội dung:

- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2021;
- Thông qua dự thảo nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ;
- Thảo luận và thống nhất các nội dung chính góp ý tại các cuộc họp lớn;
- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.
- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật như nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, BHXH, BHYT với người lao động và các nghĩa vụ khác.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo quy định tại Quyết định số 1885/QĐ-BCT ngày 17/5/2016 của Bộ Công Thương.
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty và các Văn bản pháp luật có liên quan đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.
- Tham gia các cuộc họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp cần thiết của Ban điều hành.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 được lập bởi Ban Tổng Giám đốc và đã được Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt thực hiện kiểm toán.

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Hội đồng quản trị HABECO (“HĐQT”) đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để trao đổi, phân tích, đi đến quyết định thống nhất trong các thành viên. Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên HĐQT để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh. Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 16 phiên họp, ban hành 16 Nghị quyết tại các phiên họp trực tiếp và 05 Nghị quyết thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản.

Các vấn đề lớn thuộc thẩm quyền của HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT HABECO.

Năm 2021, HABECO tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, từng bước sắp xếp điều chỉnh, đề bạt bổ nhiệm một số cán bộ, lãnh đạo tại Công ty mẹ và một số Công ty thành viên.



Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Cổ đông

Ban kiểm soát hoạt động trên cơ sở Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của HABECO cũng như các quy chế, quy định trong hệ thống quy chế quản lý nội bộ HABECO để triển khai công tác giám sát.

Ban kiểm soát được HĐQT và Ban điều hành HABECO tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ, tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của HĐQT, tham gia một số cuộc họp của Ban điều hành.

Ban kiểm soát giữ vững mối quan hệ chặt chẽ với các cổ đông, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của HABECO theo các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông.



Ý kiến của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát ghi nhận về tính đầy đủ, rõ ràng của số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Báo cáo tài chính của HABECO đã được kiểm toán và công bố theo đúng quy định hiện hành.

Kiến nghị đề xuất của Ban Kiểm soát

Năm 2022, ngành thực phẩm đồ uống được kỳ vọng sẽ phục hồi và tăng trưởng trở lại nhờ động lực chính đến từ việc mở cửa lại các dịch vụ ăn tại chỗ và sự phục hồi tiêu dùng nội địa. Các hoạt động dịch vụ bao gồm du lịch, vận tải và vui chơi giải trí có thể được phép hoạt động hết công suất kể từ Quý 2/2022 sau khi Việt Nam đạt mục tiêu tiêm chủng đầy đủ cho hơn 70% dân số, cũng như chuyển sang thích ứng linh hoạt, an toàn trong tình hình mới.

Bên cạnh thuận lợi là những khó khăn: Dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid, khủng hoảng năng lượng ở châu Âu, bất ổn chính trị trên thế giới..., dự kiến năm 2022 sẽ tiếp tục là năm khó khăn đối với các doanh nghiệp. Chuỗi cung ứng đứt gãy, giá vật tư nguyên liệu đầu vào biến động tăng liên tục ở mức cao. Dịch bệnh Covid diễn ra trong 2 năm qua đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người lao động, làm cho nhu cầu tiêu dùng suy giảm, nhất là với các sản phẩm không thiết yếu. Trong điều kiện chi phí đầu vào tăng nhanh, sức mua yếu, việc thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022 của Habeco đang gặp nhiều khó khăn.

- HABECO cần đẩy mạnh xây dựng chiến lược tổng thể để điều chỉnh, tái cấu trúc lại toàn Tổng công ty gồm Công ty mẹ và các công ty thành viên, định hướng kinh doanh, sản phẩm, vốn đầu tư. Hoàn thiện và từng bước triển khai đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2021 -2025 và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện, trong đó có công tác thoái vốn đầu tư ngoài ngành.

- Nâng cao hiệu quả của hoạt động bán hàng trên các kênh thị trường truyền thống, mở rộng độ phủ và gia tăng tỷ trọng hàng hóa



của Habeco trên các kênh mới, có nhiều tiềm năng phù hợp với tình hình tiêu dùng mới. Xây dựng các chương trình hỗ trợ phát triển hệ thống phân phối, đảm bảo lợi nhuận cho khách hàng các cấp. Tiếp tục xây dựng, truyền thông quảng bá thương hiệu, tăng cường nhận diện thương hiệu và tương tác với khách hàng, đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, nâng cao chất lượng và nội dung phù hợp với từng nhóm khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có trọng điểm và nâng cấp bao bì nhãn mác qua đó tăng cường năng lực cạnh tranh của các sản phẩm Habeco trên thị trường.

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các Phòng ban theo yêu cầu công tác quản lý và điều hành; Bố trí, sắp xếp lao động linh hoạt theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và diễn biến tình hình dịch bệnh; Xây dựng các chương trình đào tạo theo hướng bám sát nhu cầu thực tiễn của các bộ phận cũng như kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, đẩy mạnh hoạt động đào tạo nội bộ, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung trong bối cảnh vẫn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19; Tư vấn và giải quyết các chế độ, chính sách cho người lao động đúng chế độ và kịp thời;

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý chất lượng, quản lý sản xuất; Nghiên cứu phương pháp kiểm tra các chỉ tiêu chuyên sâu, khai thác các thiết bị phân tích hiện đại để đánh giá sâu hơn chất lượng bia cả về hóa lý, vi sinh, cảm quan.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và tổ chức khai thác Hệ thống ERP để quản trị được nguồn lực Doanh nghiệp, đạt hiệu quả tối đa: kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách và kế hoạch chi phí, kiểm soát tình hình tiêu hao nguyên vật liệu; Thực hiện tốt công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền trước tình hình dịch COVID diễn biến phức tạp, đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo hiệu quả tài chính tối ưu; Tiếp tục cập nhật kịp thời các thay đổi trong chính sách của Nhà nước liên quan tới hoạt động SXKD của Tổng công ty để kịp thời triển khai áp dụng theo quy định ;

- Đối với các công ty thành viên có kết quả sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, phát sinh lỗ và còn lỗ lũy kế, Ban kiểm soát đề nghị Tổng công ty thông qua Người đại diện vốn, kiểm soát viên tại đơn vị tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch chi phí, kiểm soát định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, sắp xếp và tinh giảm lao động nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tiếp tục cùng đơn vị tư vấn xây dựng phương án thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty, cụ thể:

- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty, việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Thẩm định báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- Ban kiểm soát sẽ thuê tư vấn độc lập hoặc phối hợp, điều động nhân sự kiểm toán nội bộ của Tổng công ty (khi cần thiết) để thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc theo chuyên đề khi có phát sinh.
- Tổ chức đào tạo nâng cao nghiệp vụ kiểm soát cho các thành viên BKS của Tổng công ty...

Lương, thưởng và các khoản thù lao của Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát

Tiền lương bình quân của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chuyên trách đã chi trong năm 2021: 707,725 triệu đồng/người/năm.

Thù lao bình quân của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kiêm nhiệm đã chi trong năm 2021: 83,6 triệu đồng/người/năm.

Tiền lương bình quân của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng đã chi trong năm 2021: 626,525 triệu đồng/người/năm.



Đánh giá việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Năm 2021, HABECO đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty.

Hàng năm, Tổng công ty đều chú trọng tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ chủ chốt trong đó có các nội dung liên quan tới quản trị công ty.

- Trong năm 2022: Đối với TVHĐQT, BKS, BTGD Tổng công ty dự kiến sẽ tổ chức 02 khóa học cập nhật các quy định mới, cách thức mới trong quản lý điều hành doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của HABECO gồm:

+ Chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho người đại diện phần vốn, thành viên ban kiểm soát: Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ doanh nghiệp, Quản trị tài chính doanh nghiệp.

+ Chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý dành cho cán bộ cấp cao (TV HĐQT, BKS, BTGD) về quản lý, điều hành doanh nghiệp.

- Tổng công ty đang sử dụng phần mềm quản trị nhân sự Histaff để quản trị tất cả các nghiệp vụ về nhân sự gồm các phân hệ: quản lý tổ chức, thông tin nhân sự, hồ sơ đảng viên, chấm công, tiền lương, thuế TNCN, đào tạo, tuyển dụng, BHXH cho người lao động. Hệ thống phân quyền chặt chẽ theo nhiều cấp, theo dõi và xử lý các phần hành liên quan một cách tự động và hiệu quả. Phần mềm luôn được bảo trì và nâng cấp thường xuyên phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng công ty.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có

Tôi yêu BIA HÀ NỘI



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tác động lên môi trường - phát thải khí nhà kính

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tiêu thụ năng lượng

Tiêu thụ năng lượng nước

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tác động lên môi trường – phát thải khí nhà kính

HABECO đã đi đầu trong việc hạn chế sự phát thải khí nhà kính bằng cách: đổi mới sang sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường như: sử dụng lò hơi đốt bằng các nhiên liệu tái tạo (như mùn cưa, củi gỗ vụn ép, ...) ít sinh ra khí CO2 gây hiệu ứng nhà kính; sử dụng xe nâng hàng chạy điện thay cho dầu DO để giảm khí phát thải; đồng hành cùng các sự kiện “Giờ trái đất” đó là không chỉ dừng lại ở hành động tắt đèn và các thiết bị sử dụng điện trong 1 giờ, HABECO có nhiều hành động hưởng ứng chiến dịch, từ chủ trương, chính sách quản lý nội bộ đến tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên thực hành tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường.

Tiêu thụ năng lượng

Tổng lượng tiêu thụ điện năng năm 2021 của 2 nhà máy Mê Linh, Hoàng Hoa Thám là 20,943 triệu KW điện giảm hơn 12,6% so với năm 2020 (23,963 triệu KW).

Tổng lượng tiêu thụ hơi nước bão hòa (hơi nóng) năm 2021 của 2 nhà máy Mê Linh, Hoàng Hoa Thám là 50.350 tấn giảm hơn 26,76% so với năm 2020 (68.747 tấn).

Tiêu thụ nước:

Tổng lượng nước tiêu thụ năm 2021 của 2 nhà máy Mê Linh, Hoàng Hoa Thám là 817.508 m3 giảm hơn 13,53% so với năm 2020.

Nước tái sử dụng lại nguồn nước nóng sinh ra trong quá trình sản xuất tuần hoàn nước tại hệ thống thanh trùng và nước ngưng trong quá trình sản xuất được thu hồi từ keg, lên men, nấu thu về dùng lại cho lò hơi syngas, ngoài ra thêm một lượng nước nhỏ lẻ khác tại các bộ phận sản xuất khác. Tổng tỷ lệ lượng nước được tái sử dụng trung bình khoảng là khoảng 14,45%.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

HABECO luôn nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Các nhà máy đều đạt chứng nhận ISO 14001; Nước thải trong quá trình sản xuất được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của bản thân Cty đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn giấy phép; Các chất thải nguy hại 100% được xử lý theo đúng quy định của pháp luật; Có đầy đủ các giấy phép về khai thác nước ngầm và xả nước thải vào nguồn nước; Lập và nộp các báo cáo về khai thác nước, xả nước thải và thu gom xử lý chất thải nguy hại đầy đủ và đúng thời gian. Trong năm đơn vị không vi phạm pháp luật, không phát sinh sự cố về môi trường.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất các sản phẩm chính của hai nhà máy Mê Linh và Hoàng Hoa Thám của HABECO như sau:

	Năm 2020	Năm 2021	Nhận xét
Mạch nha (kg)	15,731,711	14.162.079	Năm 2021 giảm hơn gần 10% so với năm 2020
Gạo (kg)	9,017,079	7.974.837	Năm 2021 giảm hơn 11,56% so với năm 2020
Đường (kg)	1,316,500	1.188.200	Năm 2021 giảm hơn 9,75% so với năm 2020
Hoa Hublon (kg)	26,003.34	21.434,13	Năm 2021 giảm hơn 9,75% so với năm 2020

Tỉ lệ nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất các sản phẩm chính, dịch vụ chính của HABECO năm 2021 là 22,2% tăng hơn 0,4% so với năm 2020.

Các sáng kiến, cải tiến về tiết kiệm năng lượng

HABECO đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng vào sản xuất, giúp tăng năng suất, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận, góp phần bảo vệ môi trường. Tất cả các hoạt động đều hướng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích cộng đồng.

Trong năm 2021, HABECO có nhiều sáng kiến cải tiến về các mặt trong đó có nhiều sáng kiến cải tiến về tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả đã được áp dụng và triển khai đạt hiệu quả tốt như: Thay mới các máy móc, thiết bị công nghệ cũ lạc hậu hoặc hoạt động không hiệu quả bằng các máy móc, thiết bị công nghệ mới để tiết kiệm năng lượng. Sửa chữa, nâng cấp, cải tiến các máy móc thiết bị hiện có.



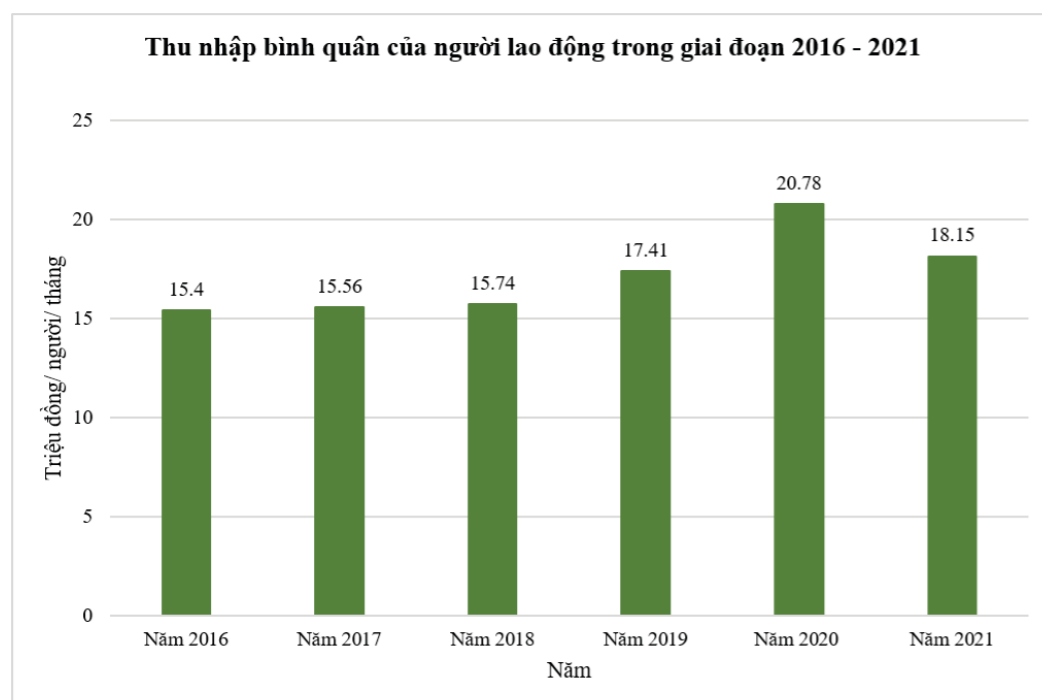
Năm 2021, HABECO có các cá nhân và tập thể được vinh danh tại Lễ trao các Giải thưởng hiệu quả năng lượng năm 2021 do Bộ Công Thương phối hợp với Hội Khoa học và công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam tổ chức như: Nhà máy Hoàng Hoa Thám được giải Nhì Giải thưởng hiệu quả Năng lượng trong Công nghiệp, đồng chí Giám đốc Nhà máy Mê Linh được Bằng khen Giải thưởng hiệu quả Năng lượng trong Công nghiệp.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Bí quyết tạo nên thương hiệu Bia Hà Nội nằm ở những giá trị truyền thống hàng trăm năm kết hợp với công nghệ hiện đại cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) tâm huyết, lành nghề. Chính vì vậy bên cạnh việc đầu tư đổi mới công nghệ, HABECO luôn quan tâm thực hiện các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

Tổng số lao động của HABECO đến thời điểm 31/12/2021 là 557 người, lao động bình quân năm 2021 là 548 người. Thu nhập bình quân năm 2021 của cán bộ công nhân viên HABECO là: 18,25 triệu đồng/người/tháng, bằng 87,8% so với cùng kỳ và bằng 109,2% kế hoạch năm.



Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty.

Chính sách đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, ngoài ra người lao động còn được Tổng công ty hỗ trợ tham gia bảo hiểm sức khỏe.

Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; được hỗ trợ chi phí nghỉ mát; được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp, phụ nữ...

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chính sách Nhà nước cho Người lao động trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19; tổ chức triển khai tiêm phòng vắc xin phòng covid-19 (đầy đủ 3 mũi) cho CBCNV của Tổng công ty và các công ty thành viên có địa bàn quanh khu vực Hà Nội, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động và công tác sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Hoạt động đào tạo người lao động

Tổng công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho CBCNV cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ. Các khóa đào tạo được xây dựng phù hợp với các nhóm đối tượng học viên:

- Đối với công nhân: Đảm bảo triển khai tổ chức đầy đủ các khóa đào tạo an toàn theo luật định. Bên cạnh đó công nhân thường xuyên được đào tạo củng cố kiến thức, kỹ năng vận hành máy móc thiết bị tại từng vị trí công việc, cũng như được bố trí đào tạo chéo các máy móc thiết bị để đáp ứng nhu cầu luân chuyển lao động khi cần.

- Đối với đội ngũ kỹ sư, chuyên viên: Ngoài các khóa theo luật định, các kỹ sư, chuyên viên thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ; tập huấn, cập nhật các quy định chính sách như lao động, tiền lương, tài chính, kế toán, marketing, kỹ thuật công nghệ...

- Đối với cán bộ quản lý, ban lãnh đạo: Được tập trung đào tạo các khóa nâng cao năng lực quản lý, điều hành, xây dựng, định hướng chiến lược phát triển doanh nghiệp. Tổng Công ty thường xuyên mời các chuyên gia hàng đầu trong ngành về tọa đàm, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và phương pháp quản lý.

Bên cạnh đó, Tổng công ty còn triển khai tổ chức các khóa đào tạo hỗ trợ cho các công ty trong toàn hệ thống, từ các khóa đào tạo cho cán bộ quản lý, tới các khóa kỹ thuật, công nghệ sản xuất bia. Đồng thời các khóa tập huấn, hội thảo cập nhật quy định chính sách cho toàn hệ thống luôn được triển khai kịp thời nhằm đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật và nâng cao năng lực người lao động.

Năm 2021, dưới tác động nặng nề của dịch bệnh COVID-19, hoạt động đào tạo cắt giảm phần lớn kinh phí để tiết giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh cho Tổng công ty. Mặc dù vậy, Tổng công ty vẫn tổ chức được 20 khóa đào tạo, trong đó các khóa đào tạo theo luật định, các khóa đào tạo cập nhật các kiến thức mới cấp thiết vẫn được đảm bảo tổ chức đầy đủ.

Một số kết quả đạt được của công tác đào tạo 2021:

- Tổng số khóa đã thực hiện: 20 khóa.
- Điểm đánh giá chất lượng tổng thể hoạt động đào tạo năm 2021 đạt 9.25 điểm.
- Tổng số 999 lượt người tham gia đào tạo.
- Tổng thời gian đầu tư cho hoạt động đào tạo là: 163 buổi, trong đó đào tạo nội bộ chiếm 27 buổi (16,6%), đào tạo kết hợp đơn vị bên ngoài chiếm 136 buổi (83,4%), thời gian đào tạo dành cho khối chuyên môn nghiệp vụ nhiều nhất với 64 buổi. Số khóa đào tạo cho công nhân nhiều nhất với 10 khóa.



TT	Nội dung	Thực hiện Tổng (khóa)	Điểm chất lượng trung bình
	Tổng số khóa đào tạo:	20	9,25
1	Đào tạo an toàn, ISO	3	
2	Cán bộ lãnh đạo, quản lý	1	
3	Khối chuyên môn, nghiệp vụ	4	9,36
4	Khối công nhân	10	9,15
5	Các nội dung tập huấn, cập nhật quy định, chính sách...	2	

Nhìn chung, năm 2021 đã triển khai thực hiện được các khóa đào tạo bắt buộc theo luật định cũng như một số các nhu cầu đào tạo thiết yếu đặt ra từ đầu năm, kịp thời tổ chức các chương trình đào tạo cung cấp kiến thức, hiểu biết cho người lao động; chất lượng tổ chức các chương trình được cải thiện, đồng thời nâng cao được tính ứng dụng sau đào tạo của các khóa học.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, HABECO luôn đề cao vai trò, trách nhiệm thực hiện an sinh xã hội của mình đối với cộng đồng. Trong năm 2021, HABECO đã triển khai nhiều hoạt động, bao gồm:

- Hỗ trợ các chương trình, dự án nhằm khắc phục khó khăn do thiên tai: hỗ trợ các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo và các đối tượng khác thuộc diện khó khăn: Ủng hộ chương trình phòng chống dịch Covid-19 của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp; Ủng hộ Công ty cổ phần Rượu Hà Nội chống dịch Covid-19 tại Nhà máy Yên Phong, Bắc Ninh; Ủng hộ chương trình phòng chống dịch Covid-19 của UB MTTQ Quận Ba Đình; Ủng hộ Quỹ vắc xin Covid-19 của UBND Xã Tiền Phong - Mê Linh; Ủng hộ chương trình "Sóng và Máy tính cho em"; Hỗ trợ nhân sự của Văn phòng Miền Nam, trực thuộc phòng Marketing của HABECO bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

- Thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa: Ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa quận Ba Đình;

- Ủng hộ các chương trình phúc lợi công cộng khác: Ủng hộ Quỹ vì biển đảo Việt Nam năm 2021.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2021

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
đã được kiểm toán

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	6 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	11 – 12
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	13 – 48

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát

Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm 2021 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Thuận An	Thành viên
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên
Bà Quán Lê Hà	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thuận An	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 cho Tổng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 48 và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Dũng

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 3906; 3910 6162 - Fax: 028. 3910 4880

Số: 143/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội và các công ty con tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Phó Giám đốc



Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2018-152-1

Tp.HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Kiểm toán viên

Lê Thị Như Ngọc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4799-2019-152-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.341.875.502.440	4.500.763.443.175
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	723.095.200.598	818.705.165.651
1. Tiền	111		604.589.175.113	487.300.332.452
2. Các khoản tương đương tiền	112		118.506.025.485	331.404.833.199
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.443.209.000.000	2.386.211.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2.443.209.000.000	2.386.211.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		378.139.968.035	384.457.518.077
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	284.683.571.460	135.714.953.879
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		53.892.949.013	44.660.159.653
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	12.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	63.313.142.396	254.556.736.431
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(23.749.694.834)	(62.874.331.886)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	552.768.030.357	597.223.915.582
1. Hàng tồn kho	141		568.778.272.944	608.176.653.383
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(16.010.242.587)	(10.952.737.801)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		244.663.303.450	314.165.843.865
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	20.177.855.992	22.442.234.181
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		418.315.021	7.204.268.188
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	224.067.132.437	284.519.341.496
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.745.853.997.922	3.183.319.157.800
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	10.000.000	10.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
II. Tài sản cố định	220		2.184.929.414.302	2.556.020.619.257
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.088.148.331.640	2.481.707.930.349
- Nguyên giá	222		9.326.956.303.259	9.280.468.958.188
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.238.807.971.619)	(6.798.761.027.839)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	96.781.082.662	74.312.688.908
- Nguyên giá	228		156.566.053.352	121.921.370.370
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(59.784.970.690)	(47.608.681.462)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	5.062.712.696	5.887.518.056
- Nguyên giá	231		11.989.152.837	12.203.797.672
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.926.440.141)	(6.316.279.616)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	35.635.024.928	47.359.180.340
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		35.635.024.928	47.359.180.340
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	266.972.467.030	265.201.627.502
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		225.445.202.793	223.310.088.976
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.750.000.000	43.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.222.735.763)	(1.858.461.474)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		253.244.378.966	308.840.212.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	246.660.946.949	301.946.268.255
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	4.760.185.677	4.849.874.712
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.823.246.340	2.044.069.678
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.087.729.500.362	7.684.082.600.975

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.252.851.201.633	1.948.544.585.402
I. Nợ ngắn hạn	310		2.104.987.465.003	1.746.185.904.092
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	400.556.921.759	545.690.899.807
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.699.274.143	32.684.552.002
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	341.656.167.479	265.168.238.095
4. Phải trả người lao động	314		167.494.713.991	175.728.104.646
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	104.971.238.123	85.674.489.921
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.316.717	18.316.715
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	766.674.438.916	347.591.317.301
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	197.670.986.191	220.196.905.678
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.511.198.112	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		110.734.209.572	73.433.079.927
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		147.863.736.630	202.358.681.310
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15	349.929.968	349.929.968
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	97.930.882.275	99.669.507.910
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	48.500.000.000	100.867.646.209
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.082.924.387	1.471.597.223
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.834.878.298.729	5.735.538.015.573
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.833.416.250.202	5.733.808.658.790
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	1.533.422.759.884	1.225.117.556.135
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	13.362.898.113	4.106.716.713
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	327.420.522.607	1.548.411.853.162
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		26.412.621.850	900.961.445.324
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		301.007.900.757	647.450.407.838
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		641.210.069.598	638.172.532.780
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.462.048.527	1.729.356.783
1. Nguồn kinh phí			420.000.000	420.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			1.042.048.527	1.309.356.783
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.087.729.500.362	7.684.082.600.975

Người lập biểu

Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Phạm Thu Thủy

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Dũng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.053.412.626.997	7.514.370.576.606
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	102.873.441.914	61.778.467.162
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	6.950.539.185.083	7.452.592.109.444
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	5.254.288.802.691	5.473.064.507.898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.696.250.382.392	1.979.527.601.546
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	123.606.055.150	120.704.137.745
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	14.600.423.894	24.321.027.003
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.076.139.187	22.728.804.045
8. Phản lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		10.749.193.817	(821.338.393)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	989.045.745.823	1.074.390.462.145
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	441.868.306.679	515.589.422.823
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		385.091.154.963	485.109.488.927
12. Thu nhập khác	31	VI.8	35.458.956.787	299.215.281.908
13. Chi phí khác	32	VI.9	8.981.495.881	17.077.447.662
14. Lợi nhuận khác	40		26.477.460.906	282.137.834.246
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		411.568.615.869	767.247.323.173
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	87.306.106.949	110.304.477.699
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		89.689.035	(3.645.894.662)
18. Lợi nhuận sau thuế	60		324.172.819.885	660.588.740.136
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		304.452.246.616	656.348.187.814
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		19.720.573.269	4.240.552.322
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.299	2.459
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.299	2.459

Người lập biểu



Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Dũng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		411.568.615.869	767.247.323.173
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		464.542.037.254	465.317.607.667
- Các khoản dự phòng	03		(32.191.659.865)	(259.450.209.779)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		25.861.373	(195.171.037)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(128.845.289.622)	(138.522.568.178)
- Chi phí lãi vay	06		13.076.139.187	22.728.804.045
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		728.175.704.196	857.125.785.891
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.738.254.627	11.997.046.785
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		39.619.203.777	41.188.330.509
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(29.436.271.704)	(288.777.382.195)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		57.549.699.495	46.269.265.224
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.714.734.154)	(23.076.433.652)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.648.151.709)	(120.941.239.483)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(55.389.073.395)	(10.732.806.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		723.894.631.133	513.052.566.413
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(82.913.884.955)	(144.241.107.462)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.922.185.274	3.353.260.012
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.340.197.731.507)	(3.002.505.626.711)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.295.599.731.507	2.199.433.626.711
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		137.940.584.840	121.070.721.815
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.350.885.159	(822.889.125.635)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		511.090.924.393	1.033.526.193.506
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(585.984.490.089)	(1.181.337.067.220)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(756.936.054.276)	(20.649.490.819)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(831.829.619.972)	(168.460.364.533)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(95.584.103.680)	(478.296.923.755)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		818.705.165.651	1.297.005.461.608
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.861.373)	(3.372.202)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	723.095.200.598	818.705.165.651

Người lập biểu

Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Phạm Thu Thủy

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Đông

388
NG
C
T
H
K
T
L
M
T
T
V
T
T

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 557 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 539 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số các Công ty con : 16

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 16

Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

C.T.
K
T
H
K
T
L
M
T
T
V
T
T

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Danh sách các công ty con được hợp nhất theo phương pháp giá gốc như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Kinh doanh bia rượu	50.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%	65,01%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%	62,05%
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	69,78%	69,78%
Công ty CP Rượu và Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%	54,29%
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	31.230.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Sản xuất bia	15.000.000.000	52,64%	52,64%
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%	96,10%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%	98,56%
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%	80,75%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%	53,89%

Danh sách các công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Sản xuất bia	40.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Vận tải Habeco	Vận tải	25.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Thương mại, dịch vụ	300.000.000.000	45,00%	45,00%
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Thương mại, dịch vụ	63.384.000.000	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thủy Tinh Sơn Miguel Yamamura Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sành sứ	160.772.505.787	27,21%	27,21%
Công ty CP Bao bì Habeco	Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%	44,22%

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh tại Xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội;

- Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám tại Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm Tổng công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất: Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị được đầu tư.

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc trích lập dự phòng sẽ được căn cứ vào giá thị trường của chứng khoán đó.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc trích lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp của các bên tại đơn vị được đầu tư.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**c) Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

d) Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh. Ảnh hưởng được xem là đáng kể khi tỷ lệ quyền biểu quyết trên 20% và dưới 50% tại đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó sẽ được điều chỉnh theo thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty tại công ty liên kết sau khi mua theo giá trị tài sản thuần. Lợi thế thương mại phát sinh từ đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong giá trị còn lại của khoản đầu tư, không được phân bổ hàng năm mà chỉ thực hiện đánh giá xem khoản lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

e) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	05 – 22
- Máy móc, thiết bị	03 – 15	05 – 15
- Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
- Dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 – 05	03 – 05
- Thương hiệu	04	04
- Phần mềm máy tính	03 – 08	03 – 05

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua vào bao gồm giá mua và các chi phí liên quan khác.

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một Công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa, khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí chai, kết chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 47 đến 50 năm.

Giá trị chai, kết được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan. Chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 3 năm kể từ ngày chai, kết được đưa vào sử dụng.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá. Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hành hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá có phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. Ảnh hưởng của Covid-19

Sự bùng phát của đại dịch Virus Corona 2019 ("Covid-19") từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam với các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	4.246.684.875	2.907.230.313
Tiền gửi ngân hàng	600.342.490.238	449.893.102.139
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 3 tháng)	118.506.025.485	365.904.833.199
Cộng	723.095.200.598	818.705.165.651

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn	2.443.209.000.000	2.443.209.000.000	2.386.211.000.000	2.386.211.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng	2.443.209.000.000	2.443.209.000.000	2.386.211.000.000	2.386.211.000.000
- Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.443.209.000.000	2.443.209.000.000	2.386.211.000.000	2.386.211.000.000

Đơn vị tính: VND

b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đối tượng	31/12/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bái	28,00%	13.244.994.597	28,00%	14.698.211.732
Công ty CP Vận tải Habeco	28,00%	8.107.467.152	28,00%	9.533.641.280
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	45,00%	17.931.998.784	45,00%	18.043.822.409
Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại	40,00%	53.256.921.660	40,00%	52.743.051.711
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	27,21%	114.939.525.967	27,21%	110.475.585.243
Công ty CP Bao bì Habeco	44,22%	17.964.294.633	44,22%	17.815.776.601
Cộng		225.445.202.793		223.310.088.976

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Đầu tư vào đơn vị khác

Đối tượng	31/12/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Đầu tư vào đơn vị khác		43.750.000.000		43.750.000.000
- Công ty CP Bất động sản Lilama	15,52%	16.250.000.000	15,52%	16.250.000.000
- Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh	3,58%	5.000.000.000	3,58%	5.000.000.000
- Công ty CP Sản phẩm Thủy tinh Việt Nam	6,00%	12.000.000.000	6,00%	12.000.000.000
- Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	12,50%	10.500.000.000	12,50%	10.500.000.000
Cộng		43.750.000.000		43.750.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		2.222.735.763		1.858.461.474
Giá trị thuần		41.527.264.237		41.891.538.526

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các đơn vị khác tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP TM Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 là 17,5%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	284.683.571.460	135.714.953.879
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế Việt Lào	-	26.862.683.132
Phải thu đối tượng khác	284.683.571.460	108.852.270.747
b) Dài hạn	-	-
Cộng	284.683.571.460	135.714.953.879
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.		

4. Phải thu về cho vay

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	-	12.400.000.000
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế Việt Lào	-	12.400.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	-	12.400.000.000
c) Phải thu khác là các bên liên quan: Không có.		

5. Phải thu khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	63.313.142.396	254.556.736.431
Phải thu tiền chi hộ tiền đền bù giải phóng mặt bằng nhà máy Nghi Sơn	1.159.348.481	1.159.348.481
Phải thu cước bao bì vỏ chai kết	295.000.000	16.656.671.955
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	28.859.380.974	44.743.520.427
Phải thu tiền ĐBGPMB Dự án Chi nhánh Tuyên Quang	3.394.704.000	3.353.006.835
Giá trị quyết toán dự án xây dựng cơ bản hoàn thành chờ xử lý	3.640.063.037	3.640.063.037
Phải thu khác	25.964.645.904	185.004.125.696
b) Dài hạn	10.000.000	10.000.000
Phải thu khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	63.323.142.396	254.566.736.431
c) Phải thu khác là các bên liên quan: Không có.		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Sữa Việt Mỹ	834.570.285	-	834.570.285	834.570.285
Công ty CP Nhiệm Đại Trường Phát	177.014.809	-	177.014.809	177.014.809
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Quang Anh	2.116.412.499	-	2.116.412.499	2.116.412.499
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế Việt Lào	-	-	40.461.967.855	40.461.967.855
Công ty TNHH Trường Quang II	6.402.416.280	-	6.402.416.280	6.700.662.580
Hợp tác xã thương binh nặng 2/7/7	1.677.613.000	-	1.677.613.000	-
Công ty cổ phần xây dựng BYD Việt Nam	1.702.148.115	-	1.702.148.115	1.702.148.115
Các đối tượng phải thu khác	10.979.379.846	139.860.000	10.839.519.846	10.881.555.743
Cộng	23.889.554.834	139.860.000	23.749.694.834	62.874.331.886

7. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	1.497.474.839	-	815.344.370	-
Nguyên liệu, vật liệu	222.816.616.439	12.418.813.706	212.718.113.963	10.675.472.061
Công cụ, dụng cụ	130.012.290.520	2.268.001.830	129.064.831.372	2.598.750
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	85.816.017.807	88.133.123	88.921.489.396	-
Thành phẩm	71.469.029.457	1.235.293.928	123.938.644.419	274.666.990
Hàng hoá	57.166.843.882	-	52.718.229.863	-
Cộng	568.778.272.944	16.010.242.587	608.176.653.383	10.952.737.801

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	35.635.024.928	47.359.180.340
- Dự án sản xuất cồn khô	-	1.386.092.537
- Chi phí triển khai phần mềm quản lý và hỗ trợ bán hàng DMS	-	16.773.745.781
- Chi phí phần mềm ERP	5.369.130.500	-
- Chi phí lắp đặt màn hình Led	-	254.986.139
- Nhà làm việc khối kỹ thuật tại Mê Linh	19.998.648.554	19.998.648.554
- Nâng cấp hệ thống điều khiển nhà máy Mê Linh	-	7.269.500.000
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	10.267.245.874	1.676.207.329
Cộng	35.635.024.928	47.359.180.340



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>						
Số dư đầu năm	1.890.865.460.648	7.013.360.716.602	221.661.734.007	147.787.391.634	6.793.655.297	9.280.468.958.188
Số tăng trong năm	3.678.278.284	44.047.279.700	3.294.956.818	6.944.433.546	242.060.000	58.207.008.348
- Mua sắm mới	275.079.091	44.042.536.200	3.294.956.818	6.944.433.546	242.060.000	54.799.065.655
- Xây dựng mới hoàn thành	3.403.199.193	-	-	-	-	3.403.199.193
- Tăng khác	-	4.743.500	-	-	-	4.743.500
Số giảm trong năm	1.193.291.689	5.273.158.767	5.077.078.274	116.134.547	60.000.000	11.719.663.277
- Thanh lý nhượng bán	415.773.258	5.156.934.767	5.077.078.274	65.332.728	60.000.000	10.775.119.027
- Giảm khác	777.518.431	116.224.000	-	50.801.819	-	944.544.250
Số dư cuối năm	1.893.350.447.243	7.052.134.837.535	219.879.612.551	154.615.690.633	6.975.715.297	9.326.956.303.259
<i>Giá trị đã hao mòn</i>						
Số dư đầu năm	1.120.050.046.663	5.403.260.440.358	167.386.088.018	101.745.081.018	6.319.371.782	6.798.761.027.839
Khấu hao trong năm	71.355.059.049	352.385.794.415	13.810.748.490	13.797.369.307	217.853.551	451.566.824.812
Giảm trong năm	1.214.430.335	5.052.237.876	5.077.078.274	116.134.547	60.000.000	11.519.881.032
- Thanh lý nhượng bán	415.773.258	4.936.013.876	5.077.078.274	65.332.728	60.000.000	10.554.198.136
- Giảm khác	798.657.077	116.224.000	-	50.801.819	-	965.682.896
Số dư cuối năm	1.190.190.675.377	5.750.593.996.897	176.119.758.234	115.426.315.778	6.477.225.333	7.238.807.971.619
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình	770.815.413.985	1.610.100.276.244	54.275.645.989	46.042.310.616	474.283.515	2.481.707.930.349
Tại ngày đầu năm	703.159.771.866	1.301.540.840.638	43.759.854.317	39.189.374.855	498.489.964	2.088.148.331.640
Tại ngày cuối năm	770.815.413.985	1.610.100.276.244	54.275.645.989	46.042.310.616	474.283.515	2.481.707.930.349

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.287.440.880.181 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 377.006.220.805 đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình	Đơn vị tính: VND	
	Tài sản cố định khác	Cộng
Số dư đầu năm	1.130.171.867	121.921.370.370
Số tăng trong năm	-	34.644.682.982
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	1.130.171.867	156.566.053.352
Giá trị đã hao mòn		
Số dư đầu năm	932.803.373	47.608.681.462
Khấu hao trong năm	146.817.624	12.176.289.228
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	1.079.620.997	59.784.970.690
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình		
Tại ngày đầu năm	197.368.494	74.312.688.908
Tại ngày cuối năm	50.550.870	96.781.082.662

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 39.127.735.384 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 29.531.980.953 đồng.

30

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	12.203.797.672	-	214.644.835	11.989.152.837
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	12.203.797.672	-	214.644.835	11.989.152.837
Giá trị hao mòn lũy kế	6.316.279.616	824.805.360	214.644.835	6.926.440.141
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	6.316.279.616	824.805.360	214.644.835	6.926.440.141
Giá trị còn lại	5.887.518.056	-	-	5.062.712.696
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	5.887.518.056	-	-	5.062.712.696

(*) Ghi chú: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty.

12. Thuế thu nhập hoãn lại

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và hợp nhất	4.760.185.677	4.849.874.712
Cộng	4.760.185.677	4.849.874.712
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và hợp nhất	4.839.442.111	5.786.068.359
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(4.839.442.111)	(5.786.068.359)
Cộng	-	-

13. Chi phí trả trước

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.177.855.992	22.442.234.181
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ sử dụng	7.364.481.090	4.267.643.253
Chi phí vật dụng quảng cáo chờ kết chuyển	2.102.686.254	4.769.160.995
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.710.688.648	13.405.429.933
b) Dài hạn	246.660.946.949	301.946.268.255
Chi phí thuê đất trả trước	75.025.202.454	77.891.817.525
Công cụ chai kết, bao bì luân chuyển	52.428.743.511	86.538.839.282
Chi phí giải phòng mặt bằng	11.354.591.235	11.709.853.791
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	75.249.639.444	89.750.484.442
Chi phí sửa chữa tài sản	23.770.008.555	21.324.216.982
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.832.761.750	14.731.056.233
Cộng	266.838.802.941	324.388.502.436

31

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****14. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2021		01/01/2021		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị
a) Vay ngắn hạn	197.670.986.191	197.670.986.191	551.569.396.393	574.095.315.880	220.196.905.678	220.196.905.678
Vay ngắn hạn	158.670.986.191	158.670.986.191	511.090.924.393	518.138.275.880	165.718.337.678	165.718.337.678
Ngân hàng TMCP Á Châu (a1)	9.192.442.238	9.192.442.238	22.043.724.026	19.851.281.788	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp PTNT (a2)	3.759.383.943	3.759.383.943	3.759.383.943	51.598.081.203	51.598.081.203	51.598.081.203
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (a3)	63.933.232.118	63.933.232.118	227.373.073.902	237.712.992.444	74.273.150.660	74.273.150.660
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (a4)	9.529.974.404	9.529.974.404	147.944.535.675	138.414.561.271	-	-
Ngân hàng Quân Đội (a5)	49.984.006.697	49.984.006.697	52.142.281.341	25.450.765.862	23.292.491.218	23.292.491.218
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	12.530.000.000	12.530.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a6)	22.271.946.791	22.271.946.791	45.297.925.506	32.580.593.312	9.554.614.597	9.554.614.597
Vay dài hạn đến hạn trả	39.000.000.000	39.000.000.000	40.478.472.000	55.957.040.000	54.478.568.000	54.478.568.000
b) Vay dài hạn	48.500.000.000	48.500.000.000	-	52.367.646.209	100.867.646.209	100.867.646.209
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	-	10.679.646.209	10.679.646.209	10.679.646.209
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (b1)	48.500.000.000	48.500.000.000	-	39.000.000.000	87.500.000.000	87.500.000.000
Văn phòng tính ủy Phú Thọ	-	-	-	2.688.000.000	2.688.000.000	2.688.000.000
Cộng	246.170.986.191	246.170.986.191	551.569.396.393	626.462.962.089	321.064.551.887	321.064.551.887

(a1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu: Khoản vay ngắn hạn ngân hàng được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn từ 6,5%/năm. Lãi được trả hàng tháng theo thông báo của các Ngân hàng. Mục đích vay nhằm Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay đến 31/12/2021 là: 9.192.442.238 đồng.

32

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

- (a2) Vay ngắn hạn Nông nghiệp PTNT - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 1500-LAV-202004495 ngày 20/10/2020. Hạn mức cấp tín dụng 120.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 06 tháng trên từng giấy nhận nợ, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: tin chấp. Số dư nợ vay đến 31/12/2021 là 3.759.383.943 đồng.
- (a3) Vay ngắn hạn Ngân hàng Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 091020/VIB-HBCHP ngày 08/10/2020. Hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 141020/VIB-HBCHP ngày 14/10/2020. Số dư nợ vay tại 31/12/2021 là 39.625.594.263 đồng.
 - Vay ngắn hạn Ngân hàng Quốc tế Việt Nam - CN Ba Đình Hà Nội: Khoản vay ngắn hạn ngân hàng được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn từ 6,5%/năm. Lãi được trả hàng tháng theo thông báo của các Ngân hàng. Mục đích vay nhằm Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay đến 31/12/2021 là: 9.900.000.000 đồng.
- (a4) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 376/HMZ1/VCB-NAN ngày 16/11/2021. Hạn mức cho vay là 70 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 07/11/2022, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021 là 9.529.974.404 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản.
- (a5) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng cấp tín dụng số 66317.21.065.694202.TD ngày 01/12/2021. Hạn mức tín dụng 70.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng kể từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 23/11/2022. Thời hạn vay tối đa 6 tháng/GNN, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: tin chấp. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 49.984.006.697 đồng.
- (a6) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các Hợp đồng:
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021 - HECVHM/NHCT136- HABECOID ngày 06/12/2021. Hạn mức cho vay 150.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 6 tháng/GNN, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: tin chấp. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 2.271.946.791 đồng.
 - Hợp đồng số 08-11/2021-HECVHM/NHCT161-HABECO ngày 08/11/2021. Hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp tài sản số 08-11/2021-HBDB/NHCT161 ngày 08/11/2021. Số dư nợ vay tại 31/12/2021 là 20.000.000.000 đồng.
- (b1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam theo Hợp đồng số 1103/HBTD/2016 ngày 11/03/2016. Hạn mức 270.000.000 VND. Thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất theo quy định ngân hàng tùy thuộc vào từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay là để tài trợ cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để xây dựng Nhà máy Bia Công suất 50 triệu lít/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản được kê chi tiết kèm theo hợp đồng vay. Số dư nợ vay tại 31/12/2021 là 87.500.000.000 đồng, trong đó số được phân loại đến hạn trả là 39.000.000.000 đồng.

33

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**15. Phải trả người bán**

	31/12/2021		01/01/2021		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	400.556.921.759	400.556.921.759	545.690.899.807	545.690.899.807	
Công ty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	22.349.642.238	22.349.642.238	10.716.236.202	10.716.236.202	
Công ty TNHH ĐTTM DV Vận tải Hồng Phát	4.134.775.547	4.134.775.547	3.555.024.741	3.555.024.741	
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	12.052.267.675	12.052.267.675	25.309.493.508	25.309.493.508	
Công ty cổ phần HANACANS	26.454.100.747	26.454.100.747	39.097.014.663	39.097.014.663	
Công ty TNHH AsiaPackaging Industries (Việt Nam)	18.801.102.269	18.801.102.269	26.553.867.328	26.553.867.328	
Công ty CP Vận tải Habeco	6.536.796.591	6.536.796.591	4.521.017.314	4.521.017.314	
Phải trả cho các đối tượng khác	310.228.236.692	310.228.236.692	435.938.246.051	435.938.246.051	
b) Dài hạn	349.929.968	349.929.968	349.929.968	349.929.968	
Công ty TNHH SX và TM Phú Bình	83.095.329	83.095.329	83.095.329	83.095.329	
Công ty TNHH TM và Kỹ thuật Hải Âu	73.365.600	73.365.600	73.365.600	73.365.600	
Công ty TNHH TM và Sản xuất Việt Tùng	52.140.000	52.140.000	52.140.000	52.140.000	
Lương Văn Thắng	42.250.000	42.250.000	42.250.000	42.250.000	
Phải trả đối tượng khác	99.079.039	99.079.039	99.079.039	99.079.039	
Cộng	400.906.851.727	400.906.851.727	546.040.829.775	546.040.829.775	

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

34

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**

183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Phải nộp trong năm		Đã nộp trong năm		Đơn vị tính: VND
	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	
a) Phải nộp	265.168.238.095	3.335.059.402.995	3.258.571.473.611	341.656.167.479	
Thuế giá trị gia tăng	28.664.137.038	456.665.730.475	455.969.044.201	29.360.823.312	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	223.480.781.121	2.822.511.554.795	2.743.729.537.986	302.262.797.930	
Thuế thu nhập cá nhân	4.619.041.117	15.476.161.293	16.891.119.342	3.204.083.068	
Thuế tài nguyên	129.159.883	1.841.184.808	1.835.295.115	135.049.576	
Thuế đất, tiền thuê đất	4.100.176.212	34.941.662.043	37.389.575.433	1.652.262.822	
Thuế khác	4.174.942.724	3.623.109.581	2.756.901.534	5.041.150.771	
b) Phải thu	284.519.341.496	117.073.165.644	56.620.956.585	224.067.132.437	
Thuế GTGT tăng hàng nhập khẩu	1.323.845.978	23.922.402.212	22.809.858.495	211.302.261	
Thuế tiêu thụ đặc biệt nhập thừa	2.525.043.823	2.525.043.823	-	-	
Thuế xuất nhập khẩu	257.104.681	2.363.587.969	2.106.483.288	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	279.982.028.689	87.306.106.949	30.648.151.709	223.324.073.449	
Thuế thu nhập cá nhân	203.430.525	413.663.098	701.354.541	491.121.968	
Thuế đất, thuế đất	227.887.800	301.960.615	105.558.696	31.485.881	
Thuế khác	-	240.400.978	249.549.856	9.148.878	

35

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	104.971.238.123	85.674.489.921
Chi phí bán hàng	98.585.711.088	69.928.717.651
Chi phí lãi vay	383.376.635	1.016.568.907
Chi phí xây dựng cơ bản	630.963.592	706.596.301
Chi phí phải trả khác	5.371.186.808	14.022.607.062
b) Dài hạn	-	-
Cộng	104.971.238.123	85.674.489.921

18. Phải trả khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	766.674.438.916	347.591.317.301
Kinh phí công đoàn	1.100.445.133	999.920.629
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	19.370.600	675.108.008
Các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn	106.497.269.504	141.671.173.941
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	619.026.330.308	157.515.696.978
Các khoản phải trả phải nộp khác	40.031.023.371	46.729.417.745
b) Dài hạn	97.930.882.275	99.669.507.910
Nhận ký quỹ ký cược	90.581.088.210	92.319.713.845
Lãi vay phải trả	6.025.345.020	6.025.345.020
Phải trả khác	1.324.449.045	1.324.449.045
Cộng	864.605.321.191	447.260.825.211

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

d) Phải trả khác là các bên liên quan: Không phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm trước	2.318.000.000.000	987.117.450.172
Lãi trong năm trước		656.348.187.814
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2019		(1.368.835.617)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận các năm trước	1.217.689.073.670	(84.787.169.231)
Tạm trích quỹ KTPL từ lợi	1.368.835.617	(8.897.779.976)
Hoàn trả quỹ ĐTPT tại công ty con	6.059.646.848	
Sử dụng quỹ an sinh xã hội		(1.466.000.000)
Số dư cuối năm trước	2.318.000.000.000	1.548.411.853.162
Số dư đầu năm nay	2.318.000.000.000	1.548.411.853.162
Lãi trong năm nay		304.452.246.616
Trích lập quỹ từ lợi nhuận các năm trước		(318.537.825.689)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận các năm trước	308.530.144.289	(86.448.047.973)
Tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi		(3.444.345.859)
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước		(1.207.678.000.000)
Sử dụng quỹ ĐTPT tại công ty con	(224.940.540)	
Tăng khác (*)	(751.500.000)	
Sử dụng quỹ an sinh xã hội		90.664.642.350
Số dư cuối năm nay	2.318.000.000.000	327.420.522.607

(*)

Ghi chú: Tăng khác là số điều chỉnh thực hiện theo Công văn số 03/KTNN-TH ngày 05/01/2022 của Kiểm toán Nhà nước về xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Nội dung này đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thông qua tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT-HABECO ngày 03/03/2022 và Báo cáo Kiểm toán Nhà nước tại văn bản số 199/HABECO-TV ngày 15/3/2022 về điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan đến phân chia Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội trên Báo cáo tài chính năm 2021. Tổng Công ty sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông gần nhất về việc điều chỉnh này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	%	01/01/2021	%
	VND		VND	
Vốn góp của nhà nước	1.895.924.000.000	81,79	1.895.924.000.000	81,79
Vốn góp của Carlsberg Breweries A/S	401.982.000.000	17,34	401.982.000.000	17,34
Vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	3.814.000.000	0,16	3.814.000.000	0,16
Vốn góp của các cổ đông khác	16.280.000.000	0,70	16.280.000.000	0,70
Cộng	2.318.000.000.000	100	2.318.000.000.000	100

c) Vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp đầu năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	231.800.000	231.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại		
- USD	301.876	142.452,85
- EUR	2.055	7.265,03
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.088.282.433	2.088.282.433

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	6.914.002.812.236	7.346.966.866.188
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	139.409.814.761	167.403.710.418
Cộng	7.053.412.626.997	7.514.370.576.606

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	102.837.283.599	61.778.467.162
Hàng bán bị trả lại	36.158.315	-
Cộng	102.873.441.914	61.778.467.162

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa thành phẩm	6.811.129.370.322	7.285.188.399.026
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	139.409.814.761	167.403.710.418
Cộng	6.950.539.185.083	7.452.592.109.444

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	5.254.288.802.691	5.473.064.507.898
Cộng	5.254.288.802.691	5.473.064.507.898

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi tiền cho vay	121.006.445.387	129.929.757.260
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.512.487.653	5.227.796.210
Có tức lợi nhuận được chia	1.050.000.000	945.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	37.122.110	(15.398.415.725)
Cộng	123.606.055.150	120.704.137.745

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	13.076.139.187	22.728.804.045
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	364.274.290	121.235.214
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.160.010.417	1.470.987.744
Cộng	14.600.423.894	24.321.027.003

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Chi phí bán hàng	989.045.745.823	1.074.390.462.145
Chi phí nhân viên	127.735.965.356	126.845.652.418
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	115.905.359.158	112.608.348.893
Chi phí bốc xếp vận chuyển hàng bán	106.354.530.483	60.267.802.398
Chi phí quảng cáo, khuyến mại, hỗ trợ	390.776.143.785	464.191.791.911
Chi phí khác	248.273.747.041	310.476.866.525
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	441.868.306.679	515.589.422.823
Chi phí nhân viên quản lý	186.270.264.218	235.183.743.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.459.074.364	44.099.226.892
Chi phí tiền thuê đất	37.664.042.430	43.033.021.096
Chi phí mua ngoài và chi phí khác	172.474.925.667	193.273.431.289

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Không có.

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý tài sản	3.812.012.755	1.818.843.090
Thu nhập bán tài sản	14.160.229.360	19.334.899.090
Thu phạt bồi thường	1.767.168.402	521.271.588
Thu hồi vỏ chai, vỏ keg	2.976.831.480	5.849.096.828
Hoàn nhập chi phí dự phòng phải trả	-	256.320.291.145
Thu nhập khác	12.742.714.790	15.370.880.167
Cộng	35.458.956.787	299.215.281.908

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	1.229.473.799	995.555.803
Chi phí vỏ chai	2.963.269.725	5.781.281.702
Chi phí khác	4.788.752.357	10.300.610.157
Cộng	8.981.495.881	17.077.447.662

NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Tổng Công ty là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	411.568.615.869	767.247.323.173
Tổng thu nhập chịu thuế	439.004.804.023	556.590.974.738
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	744.884.148	1.550.623.792
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	87.056.076.657	109.767.571.156
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành các năm trước	250.030.292	536.906.543
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	87.306.106.949	110.304.477.699

11. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	304.452.246.616	656.348.187.814
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.444.345.859)	(86.448.047.973)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.444.345.859	86.448.047.973
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác (*)	3.444.345.859	86.448.047.973
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	301.007.900.757	569.900.139.841
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	231.800.000	231.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	1.299	2.459
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	1.299	2.459

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác ghi giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông năm nay được tạm trích tại Tổng công ty và các Công ty con. Số liệu chính thức sẽ được điều chỉnh sau khi thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(**) Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh do Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đã được điều chỉnh do thay đổi trích quỹ Khen thưởng phúc lợi, quỹ khác không thuộc cổ đông các năm trước là 77.550.267.997 đồng (xem thuyết minh VII.8).

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2021.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.199.564.853.018	2.373.506.765.567
Chi phí nhân công	524.849.331.249	596.277.078.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	464.542.037.254	465.317.607.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	812.371.066.354	832.611.124.525
Chi phí khác bằng tiền	429.637.259.430	548.000.301.905
Cộng	4.430.964.547.305	4.815.712.877.899

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các khoản lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng đã chi trong năm như sau:

Họ tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch	868.350.000	771.000.000
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên	91.480.000	98.800.000
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	91.480.000	98.800.000
Ông Trần Thuận An	Thành viên	91.480.000	96.070.000
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên - từ ngày 22/01/2020	91.480.000	93.037.000
Bà Quân Lê Hà	Thành viên độc lập - từ ngày 22/01/2020	91.480.000	93.037.000
Ông Stefano Clini	Thành viên - đến ngày 22/01/2020	-	5.763.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	547.100.000	489.200.000
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên	63.960.000	61.600.000
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên - từ ngày 22/01/2020	63.960.000	58.007.000
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên - đến ngày 22/01/2020	-	3.593.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác			
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc	781.450.000	694.800.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác		2.977.700.000	2.648.830.000

183 HOANG HOA THAM
QUẬN BA DINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong năm 2021, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	57.120.000	6.580.702.832
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	875.901.480	2.489.292.229
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết	Bán quyền nhân hiệu	3.241.176.000	5.335.851.445
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết	Hỗ trợ nhân hiệu	10.805.583	39.768.300
		Chi phí khác	30.000.000	30.000.000
		Cho thuê mặt bằng	950.400.000	950.400.000
		Cước vận chuyển, bốc xếp	28.041.967.245	20.059.411.250
		Bán phế liệu	497.431.960	847.434.480
		Mua vỏ chai	1.511.287.200	-
		Mua vật tư bao bì	82.957.751.700	81.717.331.864
		Điện, nước và khác	131.495.740	120.522.640
		Bán hàng hóa	82.582.200	61.858.000
Cho đến cuối năm, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:			Đơn vị tính: VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả) 31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	309.499.292	964.608.208
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	1.290.771.400	721.195.860
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Công ty liên kết	Cước vận tải	(6.536.796.591)	(4.521.017.314)
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	41.983.641	47.730.312
		Mua hàng hóa	(16.699.519.347)	(16.804.021.626)

183 HOANG HOA THAM
QUẬN BA DINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Tổng Công ty.

Khu vực địa lý

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	723.095.200.598	-	818.705.165.651	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.443.209.000.000	-	2.386.211.000.000	-
Phải thu khách hàng	284.683.571.460	11.842.936.770	135.714.953.879	39.893.049.318
Trả trước cho người bán	53.892.949.013	3.710.396.638	44.660.159.653	887.390.119
Phải thu về cho vay	-	-	12.400.000.000	12.400.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	269.195.202.793	2.222.735.763	267.060.088.976	1.858.461.474
Phải thu khác	63.323.142.396	8.196.361.426	254.566.736.431	9.693.892.449
Cộng	3.837.399.066.260	25.972.430.597	3.919.318.104.590	64.732.793.360

Đơn vị tính: VND

Cộng

	Giá trị sổ sách	
	31/12/2021	01/01/2021
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	400.906.851.727	546.040.829.775
Vay và nợ	246.170.986.191	321.064.551.887
Chi phí phải trả	104.971.238.123	85.674.489.921
Các khoản phải trả khác	1.388.966.674.916	920.841.719.954
Cộng	2.141.015.750.957	1.873.621.591.537

Đơn vị tính: VND



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty có thể chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh số V.9, V.10 và V.14) và tại thời điểm 31/12/2021 Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tổng Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Tổng Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Tổng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	1.994.234.938.714	146.780.812.243	2.141.015.750.957
Phải trả người bán	400.556.921.759	349.929.968	400.906.851.727
Vay và nợ thuê tài chính	197.670.986.191	48.500.000.000	246.170.986.191
Chi phí phải trả	104.971.238.123	-	104.971.238.123
Các khoản phải trả khác	1.291.035.792.641	97.930.882.275	1.388.966.674.916
Số đầu năm	1.672.734.507.450	200.887.084.087	1.873.621.591.537
Phải trả người bán	545.690.899.807	349.929.968	546.040.829.775
Vay và nợ thuê tài chính	220.196.905.678	100.867.646.209	321.064.551.887
Chi phí phải trả	85.674.489.921	-	85.674.489.921
Các khoản phải trả khác	821.172.212.044	99.669.507.910	920.841.719.954

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Tổng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN). Số liệu này được điều chỉnh do Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đã được điều chỉnh do thay đổi trích quỹ Khen thưởng phúc lợi, quỹ khác không thuộc cổ đông các năm trước là 77.550.267.997 đồng như sau:

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	Số liệu năm 2020 (sau điều chỉnh)	Số liệu năm 2020 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu			
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	656.348.187.814	656.348.187.814	-
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(86.448.047.973)	(8.897.779.976)	(77.550.267.997)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	86.448.047.973	8.897.779.976	77.550.267.997
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác	86.448.047.973	8.897.779.976	77.550.267.997
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	569.900.139.841	647.450.407.838	(77.550.267.997)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	231.800.000	231.800.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.459	2.793	(334)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.459	2.793	(334)

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2021, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Phó Tổng Giám đốc




Vũ Xuân Dũng

Đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được HABECO công bố trên trang thông tin điện tử tại đường dẫn: <http://www.habeco.com.vn/>.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HABECO

Chủ tịch Hội đồng quản trị



TRẦN ĐÌNH THANH



HIABECO

Sức bật Việt Nam



HABECO

Sức bật Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183, Hoàng Hoa Thám , Q. Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại : +84 24 3845 3843 | Fax: + 84 24 3722 3784
www.habeco.com.vn